

Số: 52 /2018/GLW/CBTT

Gia Lai, ngày 04 tháng 04 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Kính gửi:** - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

*V/v: Công bố Báo cáo thường niên năm 2017*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI**

Địa chỉ trụ sở: Số 02, Trần Hưng Đạo, Phường Hội Thương, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (84.269) 3824094 Fax: (84.269) 3714288

Website: [www.capnuocgialai.net](http://www.capnuocgialai.net)

Mã chứng khoán: GLW

Loại thông tin công bố:  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ:

**Nội dung thông tin công bố:**

- Báo cáo thường niên năm 2017

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố và hồ sơ đính kèm.

Nơi gửi:

-Như trên;

-Trang tin điện tử [www.capnuocgialai.com](http://www.capnuocgialai.com);

-Lưu VT./.





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

2  
0  
1

7



## MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	3
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	13
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	25
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	35
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	45
QUẢN TRỊ CÔNG TY	49
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	55





## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TÊN CÔNG TY	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI
MÃ CHỨNG KHOÁN	GLW
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP SỐ	5900189614 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 01/11/2010, cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 24/08/2017.
VỐN ĐIỀU LỆ	180.000.000.000 đồng
VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU	180.000.000.000 đồng
TRỤ SỞ CHÍNH	Số 02 Trần Hưng Đạo, Phường Hội Thương, TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai.
SỐ ĐIỆN THOẠI	(0269) 3824 094
SỐ FAX	(0269) 3714 288
Email	info@capnuocgialai.com
WEBSITE	capnuocgialai.com



### THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Sơ đồ tổ chức

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Định hướng phát triển

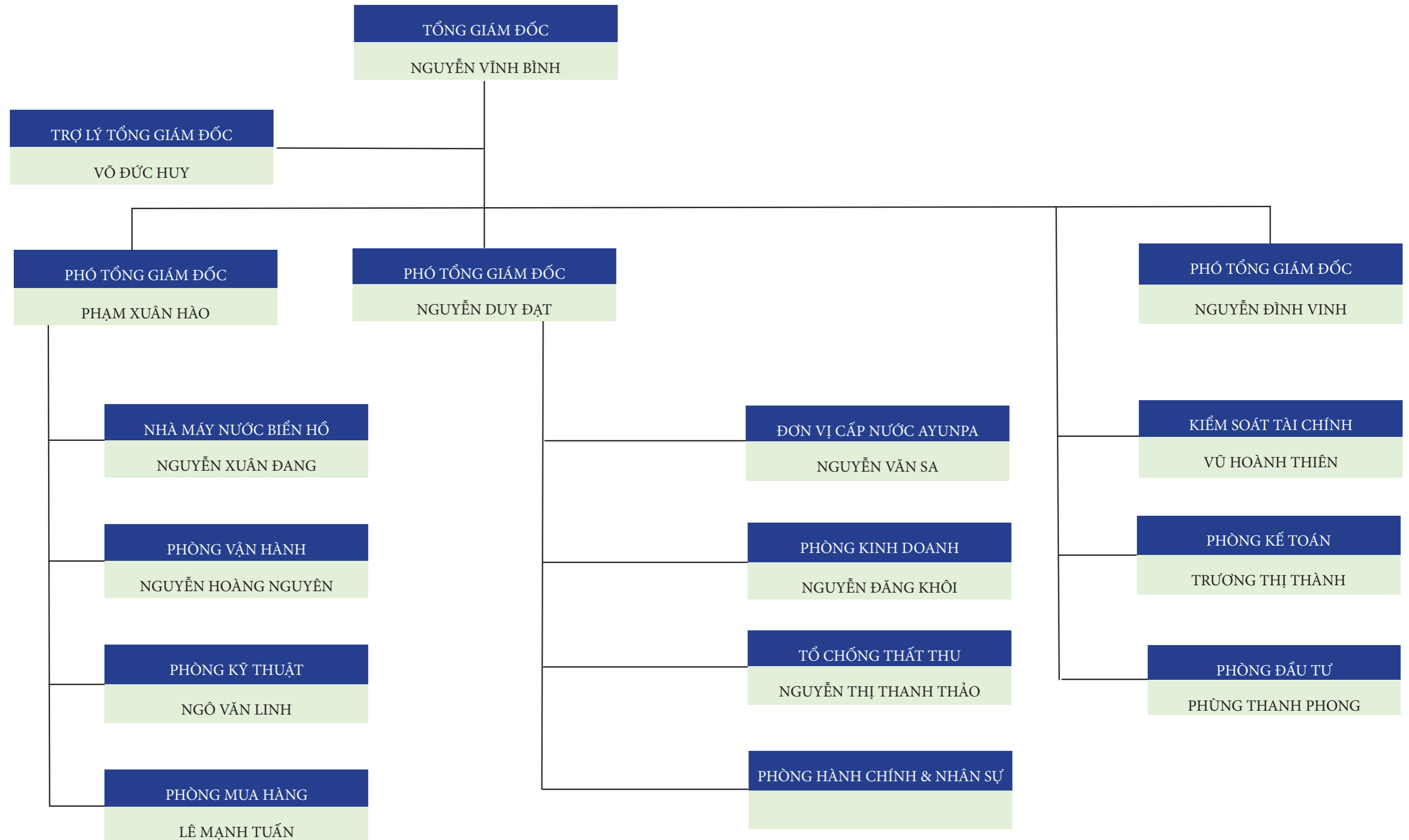
Các rủi ro

LOGO Công ty





## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

**21/10/1992**

UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 23/QĐ – UB về việc thành lập Nhà máy nước Pleiku nhằm mục đích phục vụ cho sinh hoạt hằng ngày của người dân tại địa phương. Đây là tiền thân của Công ty cổ phần Cấp nước Gia Lai.

**13/6/1994**

UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 572/QĐ – UB về việc đổi tên Nhà máy nước Pleiku thành Công ty Cấp thoát nước Gia Lai.

**31/8/2010**

UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quyết định số 594/QĐ – UBND về việc phê duyệt đề án chuyển đổi doanh nghiệp Nhà Nước Công ty Cấp thoát nước Gia Lai thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cấp nước Gia Lai và Điều lệ tổ chức, hoạt động Công ty TNHH MTV Cấp nước Gia Lai.

**10/3/2016**

UBND tỉnh Gia Lai Ban hành Quyết định số 160/ QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Cấp nước Gia Lai thành Công ty cổ phần Cấp nước Gia Lai với mức vốn điều lệ là 180.000.000.000 đồng. Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cấp nước Gia Lai tại Khách sạn Tre Xanh, TP. PleiKu, tỉnh Gia Lai.

**20/12/2016**

Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cấp nước Gia Lai tại Khách sạn Tre Xanh, TP. PleiKu, tỉnh Gia Lai.

**05/01/2017**

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900189614 thay đổi lần 2, chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty cổ phần với vốn điều lệ 180.000.000.000 đồng. 08/01/2018, cổ phiếu của Công ty cổ phần Cấp nước Gia Lai được chính thức giao dịch trên thị trường UPCoM với mã chứng khoán GLW.

## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



### Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và phân phối nước sạch;
- Thi công lắp đặt đường ống cấp nước và cơ sở cấp nước;
- Mua bán vật tư thiết bị chuyên ngành cấp cấp nước;
- Khảo sát thiết kế mạng lưới và công trình đầu mối cấp thoát nước quy mô nhỏ;
- Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai;
- Bán buôn đồ uống không có cồn;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Giám sát các công trình cấp nước;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng – Công nghiệp

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Tập trung phát triển ngành nghề kinh doanh chính là cấp nước đồng thời đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ, hướng đến sự phát triển bền vững của Công ty, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với Nhà Nước.
- Xây dựng kế hoạch mở rộng mạng lưới cấp nước và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước cho tỉnh Gia Lai nhằm phục vụ tốt hơn cho đời sống sản xuất và sinh hoạt, cải thiện và nâng cao sức khỏe cho người dân, giảm tới mức thấp nhất các bệnh tật có liên quan đến nguồn nước.
- Cơ cấu lại bộ máy quản lý, tổ chức sản xuất phù hợp với quy mô sản xuất nhằm thích nghi với điều kiện hoạt động của Công ty cổ phần. Huy động mọi nguồn lực tự có, vốn vay ngân hàng, hoặc thông qua hình thức liên doanh, liên kết với các nhà đầu tư trong và ngoài nước nhằm đầu tư, nâng cấp trang thiết bị hiện đại, nhằm giảm tỷ lệ thất thoát nước, gia tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng dân cư trong địa bàn thông qua các hoạt động tình nguyện, hoạt động từ thiện.

## CUNG CẤP NƯỚC CHỦ YẾU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PLEIKU

### SẢN PHẨM DỊCH VỤ CHÍNH

Công ty cổ phần Cấp nước Gia Lai hiện đang cung cấp các sản phẩm, dịch vụ chủ yếu sau:

- Sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất kinh doanh tại Thành phố Pleiku và thị xã Ayunpa, tỉnh Gia Lai.
- Thi công lắp đặt đường ống cấp nước và cơ sở cấp nước.
- Khảo sát thiết kế mạng lưới và công trình đầu mối cấp thoát nước quy mô nhỏ.

Hiện tại, nguồn nước của công ty được cung cấp từ hai nhà máy:

- Khu vực thành phố Pleiku: Phân xưởng nước Biển Hồ với công suất thiết kế là 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm và Nhà máy nước Sài Gòn-Pleiku với công suất thiết kế 30.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm
- Khu vực thị xã Ayunpa: Nhà máy nước Iarebol với công suất thiết kế là 8.000m<sup>3</sup>/ngày đêm.



### Địa bàn kinh doanh

Công ty đang cung cấp nước tại địa bàn Tp. Pleiku và thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Đây là địa bàn hoạt động chính của công ty.





## CÁC RỦI RO

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 ước tính tăng 6,81% so với năm 2016, trong đó quý I tăng 5,15%; quý II tăng 6,28%; quý III tăng 7,46%; quý IV tăng 7,65%. Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện. Trong mức tăng 6,81% của toàn nền kinh tế, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,00%, đóng góp 2,77 điểm phần trăm. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 9,4% so với năm 2016, trong đó cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 8,7%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm.

Gia Lai là tỉnh Tây Nguyên có đầy tiềm năng phát triển các ngành nông – lâm nghiệp nên ngành Cấp nước đóng vai trò quan trọng trong công cuộc xây dựng Nông thôn mới, phát triển Kinh tế và nâng cao mức sống của người dân trong tỉnh. Ngoài ra, thành phố Pleiku, thủ phủ của tỉnh Gia Lai đồng thời cũng là một trong hai địa bàn hoạt động chính của Công ty, hiện đang hướng đến mục tiêu trở thành Đô thị loại I trong giai đoạn 2016 – 2020, nên việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân sẽ được chú trọng.

Từ những tín hiệu tích cực trên của nền kinh tế và định hướng phát triển trong tương lai của tỉnh nhà sẽ tạo tiền đề vô cùng quan trọng cho việc tăng trưởng, phát triển của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.



### Rủi ro pháp luật



Hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống luật và văn bản dưới luật có liên quan như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động,... Trong thời gian sắp tới, hệ thống văn bản luật tại Việt Nam sẽ có những thay đổi, hướng tới xây dựng một hành lang pháp lý chặt chẽ và khoa học, nhằm xây dựng môi trường lành mạnh thu hút và hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nền kinh tế. Những thay đổi này có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, đòi hỏi Công ty luôn cập nhật và theo sát những điều chỉnh từ môi trường pháp luật, để tránh vi phạm các quy định của pháp luật.



### Rủi ro đặc thù ngành

Nguồn tài nguyên nước là điều kiện quyết định đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của một địa phương. Nước là sản phẩm thiết yếu trong đời sống sinh hoạt của người dân đồng thời phục vụ cho các hoạt động tưới tiêu, sản xuất công nghiệp. Do đó, Công ty cổ phần Cấp nước Gia Lai có tiềm năng rất lớn để phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh nhờ vào nhu cầu sử dụng nước sạch của địa phương được dự báo ngày một tăng. Nguồn nguyên liệu đầu vào chủ yếu là nguồn nước ngầm tự nhiên. Sự thay đổi về chất lượng cũng như lưu lượng nước thô ảnh hưởng rất lớn tới quy trình xử lý nước của công ty.

Bên cạnh đó, Công ty phải thực hiện những chính sách về giá nước của cơ quan quản lý, đòi hỏi Ban lãnh đạo Công ty phải nỗ lực kiểm soát chi phí để kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

Hoạt động cung cấp nước thông qua hệ thống ống ngầm dưới mặt đất làm trở ngại trong việc phát hiện rò rỉ nước gây thất thoát cho Công ty. Bên cạnh đó, việc cung cấp nước sạch tại một số khu dân cư không tập trung, cần nhiều chi phí để đầu tư vào hệ thống ống dẫn nhưng sản lượng tiêu thụ thấp, gây áp lực đáng kể trong việc kiểm soát chi phí của Công ty.



### Rủi ro môi trường

Trong khuôn khổ Hội nghị lần thứ hai các quan chức cao cấp (SOM2) Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á-Thái Bình Dương (APEC) diễn ra tại Hà Nội, các cuộc họp liên quan, Ủy ban Thương mại và Đầu tư (CTI) tổ chức Đối thoại Chính sách Thương mại (TPD) về dịch vụ môi trường được tổ chức và theo đó các chuyên gia và Chính phủ đều nhận định xử lý nước thải, quản lý nước ngầm là dịch vụ môi trường cốt lõi. Điều này cho thấy sự quan tâm của Cộng đồng thế giới về Môi trường nói chung và xử lý nước nói riêng. Vì vậy trong những năm tới, các quy chuẩn, đánh giá các công ty trong ngành sẽ được quy định nghiêm ngặt hơn. Chính vì thế, Công ty luôn nỗ lực và tiếp tục đảm bảo các điều kiện về bảo vệ môi trường, tuân thủ các quy định của các cơ quan chức năng trong hoạt động khai thác và kinh doanh nước sạch. Ngoài ra, Công ty luôn ý thức được trách nhiệm khai thác nguồn nước hợp lý để duy trì tài nguyên thiên nhiên trong tương lai.

### Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã kể trên, Công ty luôn có ý thức đề phòng các rủi ro bất khả kháng như hỏa hoạn, lũ lụt,... Những rủi ro này ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại rất lớn về người và tài sản cho Công ty. Vì vậy, hàng năm Công ty đều tham gia ký kết các hợp đồng bảo hiểm như: bảo hiểm lao động, bảo hiểm tai nạn,... nhằm phòng ngừa và hạn chế thiệt hại nếu có xảy ra.



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Hội đồng quản trị

Ban Điều hành Công ty

Ban kiểm soát

Tình hình nhân sự và chính sách với người lao động





Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, ban kiểm soát của Công ty như sau

STT	Họ và tên	Chức vụ
<b>A. Hội đồng quản trị</b>		
1	Bà Giao Thị Yến	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Trương Khắc Hoàn	Thành viên HĐQT
3	Ông Nguyễn Đình Vinh	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Vĩnh Bình	Thành viên HĐQT
5	Ông Vũ Hoàn Thiên	Thành viên HĐQT
<b>B. Ban kiểm soát</b>		
1	Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Hồ Thị Xuân	Kiểm soát viên
3	Bà Trịnh Thị Thanh Hà	Kiểm soát viên
<b>C. Ban điều hành</b>		
1	Ông Nguyễn Vĩnh Bình	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Đình Vinh	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Duy Đạt	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Vũ Hoàn Thiên	Kiểm soát Tài Chính
5	Ông Phạm Xuân Hào	Phó tổng giám đốc
6	Bà Trương Thị Thành	Kế toán trưởng

## Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị

**Bà Giao Thị Yến – Chủ tịch Hội đồng quản trị:**



**Họ và tên:** Giao Thị Yến

**Nơi sinh:** Quảng Ngãi

**Ngày sinh:** 13/03/1955

**Nơi đăng ký HKTT:** 151 Đinh Tiên Hoàng –P. Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ quản trị kinh doanh

### Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1982 - 1998	Công ty Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Kiêm phó chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Phương Đông	Phó Giám đốc Kiêm Phó chủ tịch HĐQT
1999 - 2000	Thành uỷ Tp. Hồ Chí Minh Công Ty cổ phần Đầu tư hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM	Phó Trưởng ban TC - QT Tổng Giám đốc HIFU, kiêm chủ tịch HĐQT
2000 - 2007	Công ty cổ phần BOO nước Thủ Đức Công ty cổ phần chứng khoán TP. HCM Ngân hàng TMCP Phát triển nhà T/p.HCM. Quỹ Phát triển nhà T/p. HCM Nghỉ hưu theo chế độ nhà nước	Chủ tịch HĐQT Chủ tịch HĐQT Phó Chủ tịch HĐQT Giám Đốc
2008 - 2009	Công ty Cổ phần nhà Việt Nam; Việt Nam; Vietbook Group	Chuyên gia tư vấn độc lập
2009 - 2017	Tư vấn cao cấp về tài chính cơ sở hạ tầng dự án các quỹ đầu tư phát triển địa phương của WB ở Việt Nam	Tư vấn cao cấp
7/2010 - nay	Công ty Cổ phần Hạ Tầng nước Sài Gòn – Sài Gòn Water	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực
2013 – nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn – Dankia.	Chủ tịch HĐQT
2014 – nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn – Pleiku.	Chủ tịch HĐQT
2016 – nay	Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Cần Thơ	Thành viên HĐQT
2016 – nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai	Chủ tịch HĐQT

**Số lượng cổ phần sở hữu:** **4.680.000** cổ phần, chiếm tỷ lệ **26,00** %

- Sở hữu cá nhân: **0** cổ phần, chiếm tỷ lệ **0** %

- Sở hữu đại diện Công ty CP Hạ tầng nước Sài Gòn: **4.680.000** cổ phần, chiếm tỷ lệ **26,00** %



**Ông Trương Khắc Hoàn – Thành viên Hội đồng quản trị:****Họ và tên:** Trương Khắc Hoàn**Nơi sinh:** Quảng Trị**Ngày sinh:** 16/01/1972**Nơi đăng ký HKTT:** 97 Đường số 2, CX Bình Thới, F8, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ quản trị (MBA)**Quá trình công tác**

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1994 - 1996	Cty Control Technipues Việt Nam	Kiểm soát tài chính
1997 - 2004	Công ty CP nước & Môi trường (WACO)	Phó Tổng Giám đốc
2005 - 2010	Công ty CP BOO Nước Thủ Đức	Phó Tổng Giám đốc
2010 – 2012	Công ty CP BOO Nước Thủ Đức	Tổng Giám đốc
Từ 07/2011 – 03/2012	Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	Tổng Giám đốc
04/2012- nay	Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
2015 – nay	Công ty CP Đầu tư Hạ Tầng Kỹ Thuật .Tp. HCM.	Phó Tổng Giám đốc
2016 – nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
2014 – nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn – Pleiku	Thành viên HĐQT
2013 - nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đan Kia	Thành viên HĐQT
2012 - nay	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro.	Chủ tịch HĐQT
2015 -04/2017	Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hoà	Thành viên HĐQT
2015 - nay	Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á	Chủ tịch HĐQT
2015 - nay	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	Thành viên HĐQT
2015 - nay	Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn – Cần Thơ	Thành viên HĐQT
2017 - nay	Công ty Cổ phần Dịch vụ Nước Sài Gòn	Thành viên HĐQT
1/2017 - 8/2017	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai	Tổng Giám đốc
1/2017 - nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai	Thành viên HĐQT

**Số lượng cổ phần sở hữu:**

<b>3.600.000</b>	<b>cổ phần, chiếm tỷ lệ</b>	<b>20,00</b>	<b>%</b>
- Sở hữu cá nhân:	0	<b>cổ phần, chiếm tỷ lệ</b>	0 %
- Sở hữu đại diện Công ty CP Hạ tầng nước Sài Gòn:	3.600.000	20,00	%

**Ông Nguyễn Đình Vinh – Thành viên Hội đồng quản trị:****Họ và tên:** Nguyễn Đình Vinh**Nơi sinh:** Hà Nội**Ngày sinh:** 25/10/1963**Nơi đăng ký HKTT:** 132 Cách mạng Tháng 8 P. Hoa Lư, Tp. Pleiku**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế ngành quản trị kinh doanh**Quá trình công tác**

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ	
8/1984	Sở Xây dựng Gia Lai - Kon Tum	Nhân viên phòng kế hoạch	
9/1984 – 11/1992	Công ty cung ứng VTXD Gia lai – Kom Tum	Trưởng trạm tiếp nhận vật tư	
11//1992 – 3/2005	Công ty kinh doanh phát triển nhà Gia Lai	Trưởng phòng kinh doanh	
3/2005 – 8/2015	Sở Xây dựng	Phó phòng QLN & Thị trường BĐS	
8/2015 – 12/2017	CTy TNHH MTV Cấp nước Gia Lai	Chủ tịch kiêm giám đốc	
1/2017 - nay	Công ty CP Cấp nước Gia Lai	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	
<b>Số lượng cổ phần sở hữu:</b>	<b>8.429.000</b>	<b>cổ phần, chiếm tỷ lệ</b>	<b>46,83</b> %
- Sở hữu cá nhân:	8.100	<b>cổ phần, chiếm tỷ lệ</b>	0,045 %
- Sở hữu đại diện Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước:	8.420.900	<b>cổ phần, chiếm tỷ lệ</b>	46,78 %

**Ông Vũ Hoàng Thiên – Thành viên Hội đồng quản trị:****Họ và tên:** Vũ Hoàng Thiên**Nơi sinh:** Nam Định**Ngày sinh:** 05/09/1964**Nơi đăng ký HKTT:** 269/49 Phạm Văn Đồng – P. Thống Nhất – T/p. Pleiku**Trình độ chuyên môn:** Đại học Tài chính – Kế toán**Quá trình công tác**

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ	
1990 - 1995	Công ty Dược Phẩm T/p. Nam Định	Kế toán	
1996 - 1997	Cục Đầu tư Phát triển Tỉnh Gia Lai	Chuyên viên	
1997 – 8/2010	Công ty Cấp thoát nước Gia Lai	Kế toán trưởng	
9/2010 – 12/2016	Công ty TNHH MTV Cấp nước Gia lai	Kế toán trưởng	
1/2017– 8/2017	Công ty CP Cấp nước Gia Lai	Kế toán trưởng	
1/2017- nay	Công ty CP Cấp nước Gia Lai	Thành viên HĐQT	
1/2017 - nay	Công ty CP Cấp nước Gia Lai	Giám đốc Tài chính	
<b>Số lượng cổ phần sở hữu:</b>	<b>5.000</b>	<b>cổ phần, chiếm tỷ lệ</b>	<b>0,028</b> %
- Sở hữu cá nhân:	5.000	<b>cổ phần, chiếm tỷ lệ</b>	0,028 %
- Sở hữu đại diện:	0	<b>cổ phần, chiếm tỷ lệ</b>	0 %

**Ông Nguyễn Vĩnh Bình – Thành viên Hội đồng quản trị:****Họ và tên:** Nguyễn Vĩnh Bình**Nơi sinh:** T/p HCM**Ngày sinh:** 13/05/1975**Nơi đăng ký HKTT:** 413/34/3 Lê Văn Quới, Phường . Bình Trị Đông A, Quận. Bình Tân, T/p.HCM**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ ngành quản trị kinh doanh**Quá trình công tác**

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1995 – 2003	Công ty Sinaran	Quản lý hành chính
2003 - 2006	Công ty Theodore Alexander HCM	Trưởng phòng kế hoạch
2007 - 2008	Công ty Genuwin D&C	Quản lý dự án
2009 - 2015	Công ty TEE international	Quản lý vận hành
	Công ty VIỆT - TEE	Kiểm Tổng Giám đốc
05/2016 - 12/2016	Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn - Sài Gòn Water	Trưởng phòng Quản lý Danh mục đầu tư
02/2017- Nay	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ	Thành viên HĐQT
01/2017 - nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai	Thành viên HĐQT
08/2017 - nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai	Tổng Giám đốc

<b>Số lượng cổ phần sở hữu:</b>	<b>900.000</b>	<b>cổ phần, chiếm tỷ lệ</b>	<b>5,00</b>	<b>%</b>
- Sở hữu cá nhân:		<b>cổ phần, chiếm tỷ lệ</b>		%
- Sở hữu đại diện Công ty CP Hạ tầng nước Sài Gòn:	900.000	<b>cổ phần, chiếm tỷ lệ</b>	5,00	%

**Sơ yếu lý lịch Ban điều hành****Ông Nguyễn Vĩnh Bình – Tổng Giám đốc**

Như đã trình bày ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

**Ông Nguyễn Đình Vinh – Phó Tổng Giám đốc**

Như đã trình bày ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

**Ông Vũ Hoàng Thiên – Kiểm soát Tài Chính**

Như đã trình bày ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

**Ông Nguyễn Duy Đạt – Phó Tổng Giám đốc:****Họ và tên:** Nguyễn Duy Đạt**Nơi sinh:** Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai**Ngày sinh:** 06/09/1980**Nơi đăng ký HKTT:** 08 - Phùng Hưng, phường Hội Thương, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế nông lâm**Quá trình công tác**

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/2002—8/2004	Ban điều phối Dự án đa dạng hóa nông nghiệp tỉnh Gia Lai.	Cán bộ kế hoạch - tổng hợp
9/2004 – 8/2006	Chi cục phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai.	cán bộ tăng cường phụ trách giúp xã
9/2006 – 9/2009	Chi cục phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai.	Cán bộ phòng nghiệp vụ - Theo dõi Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006-2010 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
		Nhân viên phòng kế hoạch tổng hợp.
10/2009 – 10/2011	Công ty Quang Đức Gia Lai.	Nhân viên phòng Kỹ thuật
10/2011 – 8/2012	Công ty Hoàng Anh Atapeu	Nhân viên phòng Kỹ thuật
01/2018 - nay	Công ty CP Cấp nước Gia lai	Phó Tổng Giám đốc

**Ông Phạm Xuân Hào – Phó Tổng Giám đốc****Họ và tên:** Phạm Xuân Hào**Nơi sinh:** Tân Yên – Ngọc Thiện – Bắc Giang**Ngày sinh:** 25/05/1987**Nơi đăng ký HKTT:** 401/11 Phạm Văn Đồng – Thống Nhất – Gia Lai**Trình độ chuyên môn:** Kỹ Sư Kỹ Thuật Môi Trường**Quá trình công tác**

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ		
9/2009-8/2010	Công ty TNHH Tư Vấn Và Nghiên Cứu Công Nghệ Nước Nam Việt	Cán bộ kỹ thuật		
9/2010 – 4/2014	Công ty TNHH TM-DV-KT KIM	Cán bộ kỹ thuật		
4/2014– 5/2015	Công ty Cổ phần Hạ Tầng Nước Sài Gòn	Cán bộ kỹ thuật		
6/2015– 9/2017	Công ty Cổ phần cấp nước Sài Gòn Pleiku	Trưởng phòng sản xuất		
1/2017–8/2017	Công ty CP Cấp nước Gia lai	Trợ lý Tổng Giám đốc		
8/2017 - nay	Công ty CP Cấp nước Gia lai	Giám đốc kỹ thuật		
<b>Số lượng cổ phần sở hữu:</b>	<b>0.000</b>	<b>cổ phần, chiếm tỷ lệ</b>	<b>0</b>	<b>%</b>
- Sở hữu cá nhân:	0.000	<b>cổ phần, chiếm tỷ lệ</b>		%
- Sở hữu đại diện:	0	<b>cổ phần, chiếm tỷ lệ</b>		%



**Bà Trương Thị Thành – Kế toán trưởng:**

Họ và tên: Trương Thị Thành

Nơi sinh: Gia Lai

Ngày sinh: 08/03/1987

Nơi đăng ký HKTT: Thôn 6, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chưpăh, Tỉnh Gia Lai

Trình độ chuyên môn: cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
6/2011-5/2017	Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Kế toán
6/2017 – 8/2017	Công ty CP Cấp nước Gia lai	Kế toán tổng hợp
8/2017 - nay	Công ty CP Cấp nước Gia lai	Kế toán trưởng
<b>Số lượng cổ phần sở hữu:</b>	<b>0 cổ phần, chiếm tỷ lệ</b>	<b>0 %</b>
- Sở hữu cá nhân:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ	0 %
- Sở hữu đại diện:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ	0 %

**Sơ yếu lý lịch Ban kiểm soát****Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh – Trưởng Ban kiểm soát**

Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Nơi sinh: Gia Lai

Ngày sinh: 07/01/1980

Nơi đăng ký HKTT: 451/94 Phạm Thế Hiển, Phường 3 Quận 8 T/p. HCM

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2003-2005	Công ty TNHH giao nhận ALTus	Kế toán
2005 - 2006	Công ty Obayashi Corporation	Kế toán tổng hợp
2006 - 2010	Công ty quản lý quỹ Việt Nam	Trưởng phòng kế toán
2010 - 2014	Công ty CP chứng khoán Hùng Vương	Quản lý văn phòng
2014 - 2015	Công ty quản lý Quỹ Ace Life	Kế toán trưởng
2015 - 2016	Công ty Riverorchid PR và Công ty TNHH sự lựa chọn trong DV Bất động sản	Tư vấn tài chính
06/ 2016–07/2017	Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	Kế toán trưởng
08/2017-Nay	Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng
1/2017 - nay	Công ty CP Cấp nước Gia Lai	Trưởng Ban Kiểm soát
<b>Số lượng cổ phần sở hữu:</b>	<b>0 cổ phần, chiếm tỷ lệ</b>	<b>0 %</b>
- Sở hữu cá nhân:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ	0 %
- Sở hữu đại diện:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ	0 %

**Bà Hồ Thị Xuân – Kiểm soát viên**

Họ và tên: Hồ Thị Xuân

Nơi sinh: Đắk Lắk

Ngày sinh: 15/02/1987

Nơi đăng ký HKTT: TDP 3, Phường Bình Tân, Thị xã Buôn Hồ, Đắk Lắk

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2009 - nay	Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	Nhân viên phòng kế toán – Tài chính
2013 - nay	CTCP Cấp nước Sài Gòn – Đankia	Kiểm soát viên
06/2017 - nay	CTCP Đầu tư Nước Tân Hiệp	Kiểm soát viên
09/2017 - nay	Công ty CP Cấp nước Gia Lai	Kiểm soát viên
<b>Số lượng cổ phần sở hữu:</b>	<b>0 cổ phần, chiếm tỷ lệ</b>	<b>0 %</b>
- Sở hữu cá nhân:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ	0 %
- Sở hữu đại diện:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ	0 %

**Bà Trịnh Thị Thanh Hà – Kiểm soát viên**

Họ và tên: Trịnh Thị Thanh Hà

Nơi sinh: Gia Lai

Ngày sinh: 08/12/1968

Nơi đăng ký HKTT: 21 Lê Quý Đôn, P. Iakring, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
09/1995 – 1998	Công ty Cấp thoát nước Gia Lai	Kế toán
1999 - 2004	Ban quản lý dự án cấp thoát nước Gia Lai	Kế toán
2005 - 2010	Công ty Cấp thoát nước Gia Lai	Kế toán
2011 - 2016	Công ty TNHH MTV Cấp nước Gia Lai	Phó phòng kinh doanh
2017 - nay	Công ty cổ phần Cấp nước Gia Lai	Trưởng phòng chăm sóc khách hàng
09/2017 - nay	Công ty CP Cấp nước Gia Lai	Kiểm soát viên
<b>Số lượng cổ phần sở hữu:</b>	<b>3.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ</b>	<b>0,02 %</b>
- Sở hữu cá nhân:	3.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,02 %
- Sở hữu đại diện:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ	0 %



## Những thay đổi trong ban điều hành

Ngày 18/08/2017, Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết số 05/2017/NQ/HĐQT về việc bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với bà Trương Thị Thành và miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng của ông Vũ Hoàn Thiên;

Ngày 25/09/2017, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty đã thông qua việc bổ sung 02 thành viên Ban kiểm soát là bà Hồ Thị Xuân và Bà Trịnh Thị Thanh Hà;

Ngày 18/08/2017, Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết số 05/2017/QĐ/HĐQT về việc bổ nhiệm chức vụ Giám đốc kỹ thuật đối với ông Phạm Xuân Hòa.

Ngày 18/08/2017, Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết số 05/2017/QĐ/HĐQT về việc miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với ông Trương Khắc Hoàn và bổ nhiệm ông Nguyễn Vĩnh Bình giữ chức vụ Tổng Giám đốc.

Ngày 18/08/2017, Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết số 05/2017/NQ/HĐQT về việc miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Hoàng Trọng Đạt.

## Số lượng cán bộ, nhân viên

Cơ cấu người lao động tại ngày 31/12/2017

STT	Chi tiêu	Số lượng	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Phân theo trình độ lao động</b>	<b>121</b>	<b>100</b>
1	Trình độ Đại học	40	33,06
2	Trình độ Cao đẳng	12	9,92
3	Trình độ Trung cấp	11	9,09
4	Trình độ khác	58	47,93
<b>II</b>	<b>Phân theo giới tính</b>	<b>121</b>	<b>100</b>
1	Nam	89	73,55
2	Nữ	32	26,45

## Mức lương bình quân tính đến ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	2017/ 2016
Tổng số lượng cán bộ/ nhân viên	Người	128	121	(6,25%)
Thu nhập bình quân	Đồng/người/ tháng	6.573.345	6.594.798	0,33%



Trên cơ sở chế độ chung, Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 5 ngày/tuần. Bộ phận gián tiếp làm việc theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp làm việc theo ca. Tuy nhiên, khi có yêu cầu đáp ứng tiến độ các công trình, nhân viên sẽ làm thêm giờ và công ty có chính sách đảm bảo quyền lợi, cũng như đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động, đồng thời tuân thủ các quy định của Luật lao động.

Toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty được nghỉ Lễ, Tết và nghỉ phép theo đúng quy định của Luật lao động.

## Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp, phúc lợi

### Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Nguồn nhân lực chất lượng cao đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển bền vững của Công ty. Trong đó, Công ty đánh giá cao tầm quan trọng của công tác tuyển dụng trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực. Hàng năm, Công ty tiến hành dự báo và lập kế hoạch tuyển dụng. Bên cạnh đó, Công ty chú trọng xây dựng quy trình tuyển dụng cùng với yêu cầu công việc sao cho phù hợp với từng vị trí. Bên cạnh đó, Công ty cũng có chính sách ưu tiên xem xét điều chuyển thăng chức cho ứng viên nội bộ dựa vào năng lực thực hiện công việc.

Công ty thường xuyên tổ chức những chương trình tập huấn nhằm nâng cao kỹ năng, tay nghề cho công nhân kỹ thuật đồng thời nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ, kỹ sư. Bên cạnh đó, Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, công nhân viên được học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ, đóng góp sáng kiến vào quá trình sản xuất kinh doanh,... Hơn nữa, Công ty còn tổ chức các chương trình tập huấn cập nhật các quy định mới về pháp luật, an toàn lao động,... hay tổ chức diễn tập Phòng chống cháy nổ, sơ cấp cứu,...



### Chính sách phúc lợi

Công ty xây dựng chính sách lương, thưởng rõ ràng, minh bạch, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người, đồng thời đảm bảo đầy đủ mọi quyền lợi cho người lao động theo đúng quy định của Pháp luật. Cán bộ công nhân viên thuộc khối văn phòng và gián tiếp được hưởng lương thời gian, công nhân trực tiếp được hưởng lương theo cấp bậc và tay nghề.

Công ty thực hiện chính sách thưởng định kỳ vào cuối năm cho tập thể cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, đối với những cá nhân, tập thể có đóng góp xuất sắc, Công ty cũng có chính sách thưởng đột xuất xứng đáng.

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật. Hàng năm, các Tổ chức Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ, tạo điều kiện cho công nhân viên Công ty nâng cao tinh thần, rèn luyện sức khỏe.

### Điều kiện làm việc:

Công ty cố gắng cải tạo phòng làm việc một cách khoa học; tạo điều kiện để cán bộ, công nhân viên được làm việc trong văn phòng, nhà xưởng khang trang, thoáng mát.

Ngoài ra, đối với lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện bảo hộ, tuân thủ các quy chuẩn, yêu cầu an toàn trong quá trình lao động, sản xuất





## **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

**Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm**

**Tình hình đầu tư, thực hiện dự án**

**Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư củ sở hữu**

**Tình hình tài chính**

**Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội**



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT TRONG NĂM



Ngoài thay đổi trong mô hình, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty, sau cổ phần hóa tài sản cố định của GIALAI WATER cũng được đánh giá lại và ghi nhận khoản gia tăng khá lớn, điều này tạo nên gánh nặng trong chi phí khấu hao trong năm đầu hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần của GIALAI WATER. Bên cạnh đó, với hơn 80 tỷ đồng phải trả cho SCIC sau giai đoạn cổ phần hóa cũng phần nào ảnh hưởng đến dòng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày công ty. Từ những lý do trên, việc so sánh các chỉ tiêu tài chính so với giai đoạn trước đó không mang nhiều ý nghĩa, những phân tích, so sánh với số liệu giai đoạn công ty trách nhiệm hữu hạn (trước ngày 05/01/2017) trong báo cáo này chỉ mang ý nghĩa tương đối.

### Cơ cấu doanh thu

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	01/01/2016-04/01/2017	Tỷ trọng	05/01/2017-31/12/2017	Tỷ trọng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.240	98,59%	40.996	96,18%
Doanh thu tài chính	127	0,29%	1.120	2,63%
Thu nhập khác	492	1,12%	510	1,20%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>43.859</b>	<b>100,00%</b>	<b>42.626</b>	<b>100,00%</b>

### Cơ cấu chi phí

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	01/01/2016-04/01/2017	Tỷ trọng	05/01/2017-31/12/2017	Tỷ trọng
Giá vốn hàng bán	37.984	92,66%	37.249	84,49%
Chi phí tài chính	107	0,26%	81	0,18%
Chi phí bán hàng	426	1,04%	1.212	2,75%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.464	6,01%	5.343	12,12%
Chi phí khác	14	0,03%	203	0,46%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>40.995</b>	<b>100,00%</b>	<b>44.088</b>	<b>100,00%</b>

Công ty cổ phần Cấp nước Gia Lai chỉ tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi nên nguồn doanh thu chủ yếu đến từ việc cung cấp nước sạch cho người dân trên địa bàn Thành phố Pleiku và thị xã Ayunpa.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2017 đạt 40.996 triệu đồng, trong đó: doanh thu từ cung cấp nước sạch đạt 35.633 triệu đồng (chiếm 87%), doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ đạt 5.363 triệu đồng (chiếm 13%). Doanh thu tài chính (1.120 triệu đồng) là khoản lãi tiền gửi ngân hàng trong năm 2017, chủ yếu đến từ khoản Công ty tận dụng tiền thu được từ cổ phần hóa trong thời gian chưa được quyết toán chuyển về SCIC.

Giá vốn hàng bán năm 2017 là 37.249 triệu đồng, chiếm 90,86% doanh thu thuần. Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2017 là 5.343 triệu đồng, cao gấp 2,17 lần năm 2016 (01/01/2016 – 04/01/2017). Sự thay đổi lớn trong khoản chi phí này chủ yếu xuất phát từ cách hạch toán, bóc tách chi phí khác nhau giữa hai giai đoạn công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và công ty cổ phần.



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

Công ty đang cung cấp nước tại địa bàn Thành phố Pleiku và thị xã Ayun Pa. Hệ thống đường ống của công ty được xây dựng trước đây vẫn được duy trì cho hoạt động của công ty cổ phần. Trong năm qua, Công ty đã tiến hành các hoạt động đầu tư mở rộng mạng lưới đường ống, thay mới và sửa chữa đường ống cũ nhằm giảm tỷ lệ thất thoát nước trong quá trình cung cấp, cụ thể như sau:

- Lắp đặt 11 km tuyến ống mới
- Thay mới 12 km tuyến ống cũ
- Thay mới, di dời ra ngoài miễn phí 10.000 bộ đồng hồ dịch vụ cho khách hàng

Bên cạnh đó, trong năm Công ty đã tiến hành nâng công suất sản xuất Nhà máy nước Ayunpa lên gấp 2 lần đạt 8.000m<sup>3</sup>/ngày đêm.



### Cổ đông đang nắm quyền chi phối tại GIALAI WATER

Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn, thông tin chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn

Địa chỉ: Tầng 5, số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP HCM

Điện thoại: ( 84.28 ) 6291 8483

Fax: (84.28 ) 6291 8489

Giấy chứng nhận ĐKKD số 0303476454 do Sở Kế hoạch đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 27/08/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 16/02/2017.

Vốn điều lệ: 1.019.352.800.000 đồng

Vốn thực góp: 1.019.352.800.000 đồng

Website: www.saigonwater.com.vn

Mã chứng khoán: SII

Ngành nghề kinh doanh:

- Bán buôn thiết bị cấp – thoát nước hệ thống xử lý nước sạch- nước thải. Bán buôn vật tư - thiết bị- phụ tùng ngành công nghiệp, thiết bị xử lý môi trường. Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)
- Tư vấn về thiết bị cấp – thoát nước hệ thống xử lý nước sạch - nước thải;
- Xây dựng công trình xử lý nước sạch - nước thải, cấp thoát nước sinh hoạt.

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tại GIA LAI WATER: 9.180.000 cổ phiếu, chiếm 51,00%/ Vốn điều lệ.

## Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### Chi tiêu về cơ cấu vốn

- Số cổ phiếu đã phát hành: 18.000.000 cổ phiếu
- Cổ phiếu phổ thông: 18.000.000 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 8.655.300 cổ phiếu
- Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 9.344.700 cổ phiếu. Lý do hạn chế chuyển nhượng: Cán bộ công nhân viên Công ty mua cổ phiếu với giá ưu đãi theo cam kết làm việc theo hợp đồng và cam kết làm việc lâu dài sau khi chuyển sang Công ty cổ phần, cổ phiếu của cổ đông chiến lược bị hạn chế chuyển nhượng theo phương án cổ phần hóa của Công ty và Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011.

### Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Công ty cổ phần Cấp nước Gia Lai đi vào hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần từ ngày 05/01/2017 với mức vốn điều lệ là 180.000.000.000 đồng. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không thực hiện phát hành để tăng vốn điều lệ.

### Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

### Các chứng khoán khác

Không có



### Cơ cấu cổ đông tại ngày 28/08/2017

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	Trong nước	138	18.000.000	100,00%
	Tổ chức	2	17.600.900	97,78%
	Cá nhân	136	399.100	2,22%
2	Ngoài nước		(35,56%)	
	Tổ chức	-	-	-
	Cá nhân	-	-	-
	<b>Tổng</b>	<b>138</b>	<b>18.000.000</b>	<b>100,00%</b>



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	01/01/2016-04/01/2017	05/01/2017-31/12/2017	tăng giảm %
Tổng tài sản	287.388	200.637	(30,19%)
Doanh thu thuần	43.240	40.996	(5,19%)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.386	(1.770)	-
Lợi nhuận khác	478	308	(35,56%)
Lợi nhuận trước thuế	2.864	(1.462)	-
Lợi nhuận sau thuế	2.260	(1.462)	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

CHỈ TIÊU	ĐVT	01/01/2016-04/01/2017	05/01/2017-31/12/2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,52	6,95
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,45	5,88
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	34,63	7,09
Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	52,96	7,63
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,88	4,94
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân	Vòng	0,19	0,17
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	5,23	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	1,33	-
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	0,99	-
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	5,52	-

### Khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2017 là 6,95 cho thấy khả năng đáp ứng tốt nghĩa vụ nợ ngắn hạn của công ty khi 1 đồng nợ ngắn hạn được đảm bảo thanh toán bởi 6,95 đồng tài sản ngắn hạn. Nợ ngắn hạn tại ngày 31/12/2017 là 7.745 triệu đồng, thấp hơn rất nhiều so với mức 92.163 triệu đồng tại ngày 05/01/2017 do công ty chưa thực hiện chi trả cho SCIC về cổ phần hóa số tiền 89.069 triệu đồng, đây là lý do chính dẫn đến sự chênh lệch cao trong chỉ tiêu về khả năng thanh toán giữa năm 2016 và 2017.

### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Như đã trình bày ở phần trên, sụt giảm lớn trong khoản nợ ngắn hạn cũng ảnh hưởng đến cơ cấu vốn của công ty trong năm 2017. Hệ số nợ/ tổng tài sản năm 2017 là 7,09%, trong đó nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao trong tổng nợ của Công ty 54,47%. Nợ dài hạn tại ngày 31/12/2017 là khoản vay tại hai ngân hàng: 570 triệu đồng tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai dùng để mua 01 xe ô tô con nhãn hiệu MAZDA; 7.145 triệu đồng tại Ngân hàng Phát triển Châu Á để thực hiện Dự án Nâng cấp và cải tạo Hệ thống cấp nước và vệ sinh các thành phố, thị xã.

### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Chỉ tiêu này cho thấy hiệu quả quản lý tài sản của Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Năm 2017, Vòng quay hàng tồn kho là 4,94 và Vòng quay tổng tài sản là 0,17 cho thấy khả năng quản lý nguồn lực của công ty là khá cao. Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là các hóa chất dùng để xử lý nước như Clor, PAC và các công cụ dụng cụ phục vụ cho việc lắp đặt, sửa chữa đường ống.

### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2017 ghi nhận khoản lỗ 1.462 triệu đồng cho nên chúng tôi không tiến hành tính các chỉ số về khả năng sinh lợi. Khoản lỗ này của Công ty chủ yếu đến từ ba nguyên nhân sau: một là sự gia tăng trong khấu hao do việc đánh giá lại tài sản khi thực hiện cổ phần hóa làm tăng giá trị của tài sản cố định; hai là việc thực hiện chính sách cấp nước 24/7 trong năm qua làm tăng đáng kể chi phí hoạt động của công ty; ba là do sự thay đổi trong mô hình hoạt động cũng gây không ít khó khăn trong thời gian đầu đi vào hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần.





## Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội



### Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Trong năm 2017, Công ty chi khoảng 501.611.708 đồng cho việc mua các hóa chất dùng để xử lý nước như: clor, PAC, phèn, than hoạt tính. Khoảng chi phí này chiếm 1,41% tổng chi phí của Công ty.

Công ty luôn chú trọng sử dụng nguyên vật liệu hiệu quả và có thể tái chế, tái sử dụng được. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú ý lựa chọn nguồn cung cấp nguyên vật liệu đáng tin cậy để giảm thiểu rủi ro mua nhầm hàng kém chất lượng, có khả năng gây hại cho môi trường sống và cộng đồng dân cư. Ngoài ra, Công ty cũng có những quy định về bảo quản hóa chất dùng trong xử lý nước, để tránh trường hợp lạm dụng hóa chất, gây ô nhiễm môi trường sống và sức khỏe người tiêu dùng.



### Tiêu thụ năng lượng

Nguồn năng lượng được sử dụng chủ yếu trong quá trình hoạt động của công ty là điện năng dùng để vận hành hệ thống xử lý nước, các trạm bơm và hoạt động tại các văn phòng công ty. Bên cạnh đó, công ty còn sử dụng dầu diesel để chạy máy phát điện khi cần thiết.

Số tiền chi trả cho các nguồn năng lượng trên trong năm 2017 là 5.951.812.604 đồng. Để nâng cao nhận thức cho cán bộ, công nhân viên Công ty về sử dụng năng lượng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và giảm thiểu tác động đến môi trường, Công ty đã tổ chức nhiều hoạt động nhằm khuyến khích người lao động đóng góp sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả. Để tiết kiệm điện năng công ty đã thực hiện:

- Lắp đặt tủ điện biến tần cho các máy bơm
- Bỏ bóng đèn sợi đốt và sử dụng đèn Led
- Lựa chọn các sản phẩm tiết kiệm điện
- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị để nâng cao hiệu suất hoạt động của máy
- Hướng đến sử dụng tấm năng lượng mặt trời cho một số thiết bị hoạt động thường xuyên.

### Tiêu thụ nước

- Với đặc thù của ngành cấp nước, nước vừa là đầu vào trong quá trình sản xuất vừa là sản phẩm đầu ra của công ty. Nguồn nước được GIALAI WATER lấy chủ yếu từ Biển hồ (cho khu vực thành phố Pleiku) và đập thủy lợi Iarebol (cho khu vực thị xã Ayunpa), sau quá trình xử lý lắng, lọc nước, diệt khuẩn,... nguồn nước thành phẩm được bơm đến người sử dụng thông qua hệ thống đường ống.
- GIALAI WATER luôn chú trọng đến chất lượng nước được sản xuất ra, thường xuyên tiến hành xét nghiệm mẫu nước và đảm bảo đạt được các tiêu chuẩn trong QCVN 01:2009/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt.

### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện tốt các quy định về bảo vệ môi trường và không để xảy ra bất kỳ trường hợp vi phạm nào.

### Báo cáo liên quan đến trách nhiệm cộng đồng địa phương

Bên cạnh các mục tiêu kinh doanh gắn liền với lợi ích của người lao động và cổ đông, Công ty cũng ý thức chia sẻ trách nhiệm với sự phát triển của cộng đồng.

Công ty tích cực tham gia các phong trào tình nguyện và các chương trình từ thiện tại địa phương nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng dân cư xung quanh địa bàn Công ty hoạt động. Bên cạnh đó, Công ty cũng chung tay với cả nước trong các hoạt động hỗ trợ đồng bào vùng bão lũ, thiên tai, và các hoạt động hướng về biển đảo quê hương.

Những hoạt động cụ thể mà công ty đã thực hiện như:

- Cán bộ công nhân viên đóng góp ngày công ủng hộ quỹ Đền ơn đáp nghĩa.
- Ủng hộ tiền cho địa phương để lắp Camera an ninh cho khu vực chung.
- Đóng quỹ phòng chống bão lụt hàng năm.

### Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Công ty sẽ thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban chứng khoán nhà nước.





## BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

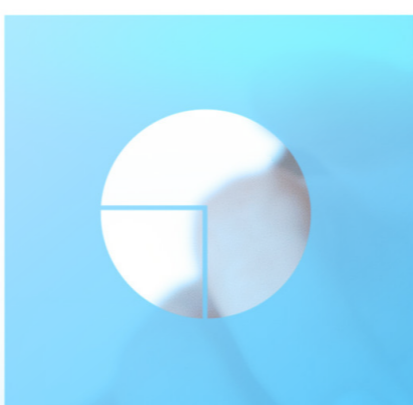
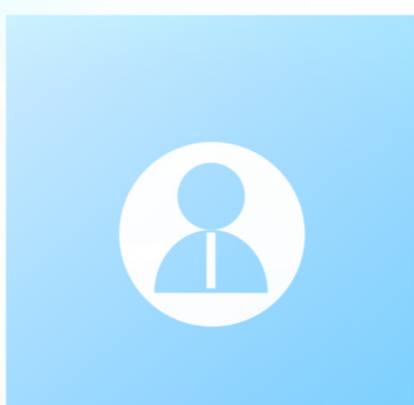
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm về môi trường & xã hội



Strategic  
Marketing  
on  
Marketing  
Analysis  
Business  
Management





## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Nước là tài nguyên đặc biệt quan trọng là thành phần thiết yếu của sự sống và là tư liệu sản xuất không thể thay thế đối với một số ngành sản xuất, là thành phần cơ bản tạo nên môi trường sống, nước quyết định sự tồn tại và phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Theo một số nghiên cứu, 70% diện tích của Trái đất được bao phủ bởi nước, trong đó 97,4% là nước mặn trong các đại dương và phần còn lại là nước ngọt tồn tại chủ yếu dạng băng tuyết đóng ở 2 cực và trên ngọn núi, chỉ có 0,3% nước trên thế giới là có thể sử dụng làm nước sinh hoạt. Ở Việt Nam, tài nguyên nước mặt có khoảng 830-840 tỷ m<sup>3</sup>/năm, lượng nước sinh ra ở lãnh thổ Việt Nam là 37%, lượng nước từ nước ngoài chảy vào khoảng 63%. Từ những số liệu này có thể cho thấy vị trí của ngành cấp nước đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của xã hội và ít chịu sự tác động từ các yếu tố kinh tế.

Công ty cổ phần Cấp nước Gia lai hoạt động chủ yếu trên địa bàn thành phố Pleiku, thị xã Ayunpa, tỉnh Gia Lai với mong muốn sẽ cung cấp các dịch vụ khách hàng tốt nhất, thỏa mãn khách hàng cao nhất, mang đến nguồn nước xanh, sạch đến với người tiêu dùng trên địa bàn hoạt động. Cụ thể, trong năm qua công ty đã thực hiện các hoạt động sau:

- Thực hiện cấp nước 24/7 nhằm cung cấp nguồn nước xuyên suốt cho người dân.
- Thực hiện tốt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT, đảm bảo nguồn nước an toàn đến người dân.
- Thay mới 12 Km tuyến ống cũ, thay mới miễn phí 10.000 bộ đồng hồ, mở rộng cấp nước sạch đến các điểm nóng, lắp đặt 11 Km tuyến ống mới là những biện pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng truyền nước, mở rộng mạng lưới cấp nước đến với người dân nhằm mang đến sự hài lòng, đáp ứng nhu cầu của người dân.
- Áp dụng công nghệ thông tin trong quá trình hoạt động, tiếp cận sát với nhu cầu, mong muốn của người tiêu dùng thông qua các hành động cụ thể như: xây dựng đường dây nóng, thực hiện hợp đồng tại nhà, dịch vụ thu hộ tiền nước tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn hoạt động, xây dựng website theo hướng tăng độ tương tác với khách hàng,....
- Nâng công suất Nhà máy nước Ayunpa lên gấp 2 lần nhằm tăng năng lực cấp nước cho người dân trên địa bàn hoạt động.

Trong năm đầu đi vào hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần, GIALAI WATER đã gặp phải không ít khó khăn dẫn đến khoản lỗ 1.462 triệu đồng. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc thay đổi hình thức hoạt động và chính nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty, cụ thể:

01

Trong giai đoạn Công ty trách nhiệm hữu hạn việc cấp nước xuyên suốt không được thực hiện do chính sách tiết kiệm chi phí vận hành, Công ty thường xuyên cúp nước vào ban đêm gây ra nhiều bất lợi cho người dân. Bước sang giai đoạn Công ty cổ phần, GIALAI WATER thực hiện chính sách cấp nước 24/7, đảm bảo cho nhu cầu sử dụng của người dân. Điều này dẫn đến việc gia tăng trong chi phí vận hành hệ thống máy bơm vào ban đêm trong khi doanh thu gia tăng từ việc này không đáng kể, từ đó gia tăng giá vốn hàng bán trong năm của Công ty.

02

Khi thực hiện công tác cổ phần hóa, tài sản cố định của công ty được định giá lại đặc biệt là hệ thống đường ống được định giá theo phương pháp trượt giá làm gia tăng đáng kể giá trị tài sản cố định. Khoản gia tăng này ảnh hưởng đến chi phí khấu hao của Công ty trong năm đầu của công ty cổ phần mà không mang lại khoản doanh thu nào, điều này phần nào làm bào mòn doanh thu của GIALAI WATER. Thêm vào đó, việc này còn kéo theo khoản phải chi trả lại cho SCIC sau cổ phần hóa với số tiền gần 90 tỷ đồng, ảnh hưởng lớn đến dòng tiền và hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty.

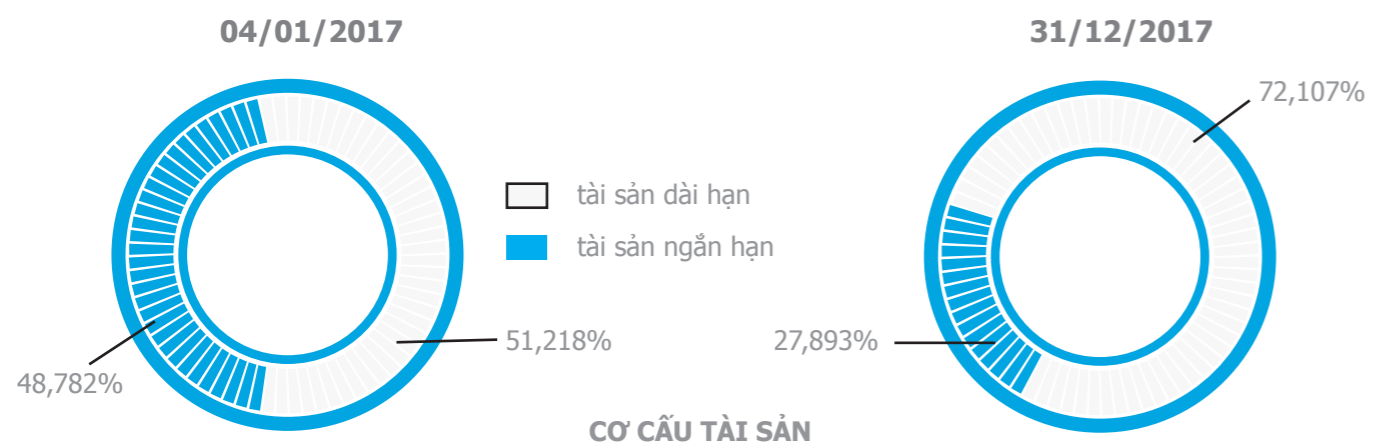
03

Việc thay đổi mô hình hoạt động kèm theo những thay đổi trong nhân sự, cơ cấu tổ chức gây ra không ít khó khăn trong khâu vận hành hoạt động. Bên cạnh đó, Công ty phải tuân thủ theo quy định của Công ty đại chúng như phải đăng ký chứng khoán, đăng ký UPCoM, Quy định về công bố thông tin,...những quy định mới này cũng phần nào gây khó khăn cho Công ty trong lần đầu tiếp xúc.

## Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	04/01/2017	31/12/2017	tăng giảm %
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>140.193</b>	<b>55.962</b>	<b>(61,082%)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	126.419	1.988	(98,427%)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	40.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn	6.949	5.186	(25,37%)
Hàng tồn kho	6.757	8.325	23,206%
Tài sản ngắn hạn khác	68	463	580,882%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>147.195</b>	<b>144.674</b>	<b>(1,71%)</b>
Tài sản cố định	146.519	140.662	(3,997%)
Tài sản dở dang dài hạn	-	2.545	
Tài sản dài hạn khác	676	1.467	117,01%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>287.388</b>	<b>200.637</b>	<b>(30,186%)</b>

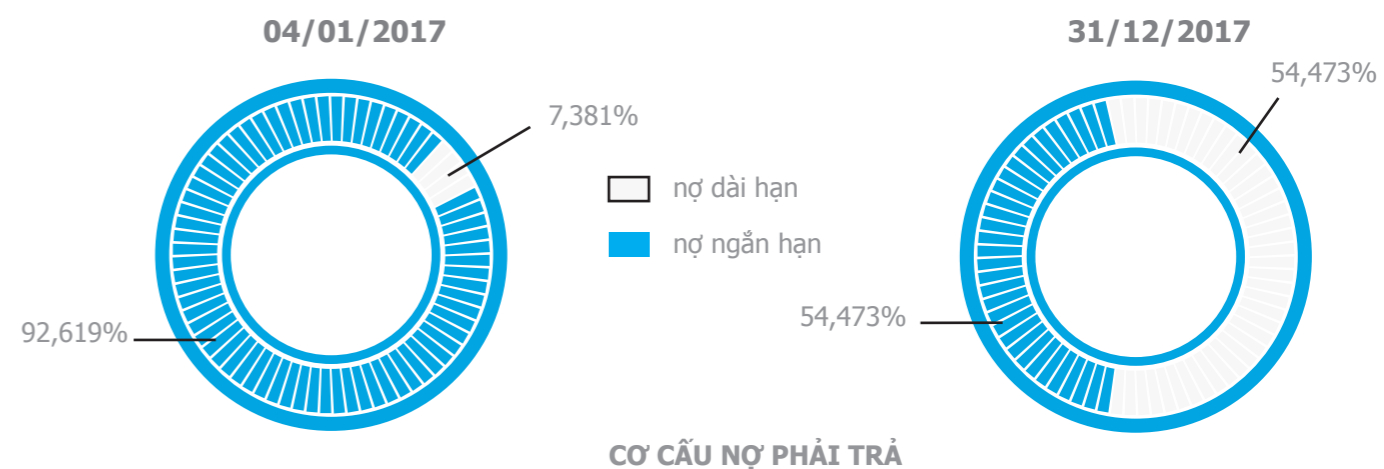


Như những phân tích ở phần trên sự sụt giảm trong khoản mục Tiền và các khoản tương đương tiền từ 126.419 triệu đồng xuống 1.988 triệu đồng chủ yếu đến từ việc chi trả gần 90 tỷ đồng cho SCIC sau khi đánh giá lại tài sản trong quá trình cổ phần hóa. Với đặc thù hoạt động trong ngành cấp nước, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tổng tài sản Công ty (72,107% năm 2017). Công ty đang thi công lắp đặt tuyến ống HDPE D315 trên đường Chu Mạnh Trinh – Hùng Vương nhằm mở rộng mạng lưới cung cấp, gia tăng doanh thu trong tương lai, tại ngày 31/12/2017 khoản chi phí này được ghi nhận là 2.224 triệu đồng.

Với nguồn tiền nhàn rỗi Công ty xem xét gửi có kỳ hạn vào các ngân hàng để lấy lãi suất nhằm tối đa lợi ích cho cổ đông công ty. Tại ngày 31/12/2017, khoản mục này ghi nhận số dư là 40 tỷ đồng (38 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai, 2 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai).

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	04/01/2017	31/12/2017	tăng giảm %
Nợ ngắn hạn	92.163	7.745	(91,60%)
Phải trả người bán	429	4.873	1035,90%
Người mua trả tiền trước	1	481	48000,00%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	194	895	361,34%
Phải trả người lao động	318	-	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	491	25	(94,91%)
Phải trả ngắn hạn khác	89.347	222	(99,75%)
Vay và nợ thuê tài chính	1.369	1.242	(9,28%)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13	8	(38,46%)
Nợ dài hạn	7.345	6.473	(11,87%)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	7.345	6.473	(11,87%)
Tổng nợ	99.508	14.218	(85,71%)





## Kế hoạch phát triển trong tương lai

Căn cứ vào tình hình thực tế tại công ty và kế hoạch đầu tư trong thời gian tới, Công ty đặt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm so với 2017
Vốn điều lệ	180.000	180.000	-
Sản lượng	5.461.854	5.910.733	8,22
Doanh thu thuần	40.996	41.527	1,3
Lợi nhuận sau thuế	(1.462)	(18.824)	-
Tỷ lệ thất thoát nước	50%	38%	(12)

### Cổ tức/ vốn điều lệ

**Trong năm 2018, Công ty sẽ thực hiện đầu tư vào 02 dự án lớn:**

#### Dự án mở rộng hệ thống cấp nước tại Thành phố Pleiku

Hiện tại, tỷ lệ số hộ dân được cấp nước sạch trên địa bàn Thành phố chỉ xấp xỉ đạt 35% tương đương với 14.000 hộ dân trong tổng số 43.000 hộ. Như vậy còn khoảng 27.000 hộ dân đang phải sử dụng các nguồn nước chưa đảm bảo chất lượng như: giếng đào, giếng khoan, nước sông suối,... không những tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe người dân mà còn có nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng và trữ lượng nguồn nước ngầm trên địa bàn Thành phố. Bên cạnh đó, để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 03-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai, Thành phố Pleiku phấn đấu trở thành đô thị loại I trước năm 2020. Do đó, Thành phố đã có nhiều nỗ lực trong việc tập trung đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, đảm bảo an sinh xã hội, đời sống vật chất tinh thần của người dân, trong đó có việc đảm bảo được sử dụng nước sạch của người dân trên địa bàn Thành phố.

#### Dự án thay mới 10.000 đồng hồ dịch vụ cho khách hàng

Trong kế hoạch chống thất thoát, thất thu nước, Công ty sẽ cho triển khai thay mới và di dời ra ngoài 10.000 bộ đồng hồ dịch vụ cho khách hàng. Nguyên nhân, do có rất nhiều tuyến ống phân phối D21-D49, đặc biệt tại các vị trí đầu nối cụm đồng hồ dịch vụ và đai khởi thủy xảy ra tình trạng xì, bể thường xuyên do ống (vật liệu nhựa, sắt) đã quá cũ, mục nát. Bên cạnh đó, việc đọc số ghi thu gặp nhiều khó khăn do nhiều đồng hồ nằm bên trong khu vực nhà của khách hàng hoặc chìm trong đất.



Công ty đã lên kế hoạch thay mới đồng hồ nước hộ gia đình và cải tạo ống phân phối nước trên địa bàn thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

- Thay mới 10.000 cụm đồng hồ DN15
- Thay mới ống HDPE OD50 chiều dài 12.000 m



### Mục tiêu trước mắt của dự án:

Mở rộng hệ thống và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước 24/7 cho Thành phố Pleiku phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ đảm bảo áp lực và an toàn cấp nước.  
Nâng tỉ lệ dân số nội thị được sử dụng nước sạch đến năm 2018 trên 60% và trên 80% đến năm 2020.  
Cải thiện và nâng cao sức khỏe cho người dân, giảm tới mức thấp nhất các bệnh tật có liên quan đến nguồn nước.

### Mục tiêu trong tương lai:

Hướng tới xây dựng hoàn thiện hệ thống tuyến ống chuyển tải, tăng áp và phân phối nước tới các khu vực có nhu cầu sử dụng nước trên toàn thành phố đạt công suất 55.000 m<sup>3</sup>/ ngày đêm dự kiến đến năm 2030.

Nâng cao chất lượng phục vụ nước sạch cho nhân dân trong khu vực thị xã và vùng lân cận.

Đến năm 2030, 100% dân cư trong vùng nội thị của dự án được cấp nước sạch, chất lượng nước đảm bảo hợp vệ sinh với tiêu chuẩn 120 lít/người/ngày. Tỷ lệ thất thoát nước <= 15%. Đảm bảo cung cấp nước sạch tới tất cả các khu vực có nhu cầu dùng nước của Thành phố và vùng phụ cận.

### Phạm vi đầu tư giai đoạn 2017 – 2018:

- Tổng lượng nước dự kiến cấp ra mạng lưới: 8.638 m<sup>3</sup>/ngày
- Tổng số hộ dân dự kiến được cấp nước: 9.331 hộ

Việc đầu tư vào 02 dự án trên trong năm 2018 là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2018 của GIALAI WATER bị lỗ. Tuy nhiên, vì mục đích phục vụ nhu cầu phát triển của Thành phố Pleiku, mở rộng mạng lưới cung cấp nước sạch đến với đông đảo người dân trên địa bàn thành phố và vùng phụ cận, đóng góp vào việc nâng cao sức khỏe cộng đồng, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, Ban lãnh đạo Công ty vẫn quyết tâm thực hiện kế hoạch đầu tư như trên.



Nâng cao nhận thức của người dân về sử dụng nước sạch và cải thiện các thói quen về vệ sinh.  
Tăng cường năng lực quản lý vận hành của cán bộ công nhân viên trạm cấp nước thị trấn.

## Các biện pháp thực hiện

Về tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh

Duy trì và ổn định công tác tổ chức sản xuất, đồng thời tích cực thực hiện các biện pháp nhằm giảm tỷ lệ thất thoát nước.

Duy tu, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị, quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào nhằm khai thác và vận hành nhà máy nước đạt hiệu quả tốt nhất.

Đảm bảo đáp ứng nhu cầu về nước sạch của người dân và khách hàng; mở rộng mạng lưới cấp nước bằng cách khai thác hiệu quả dự án đầu tư tại thành phố Pleiku và thị xã Ayunpa.

Trong năm 2018, Công ty sẽ thực hiện các hoạt động sau:

- Nâng cấp, cải tạo Nhà máy nước Biển Hồ
- Đăng ký sử dụng mới thông qua website, thực hiện xuất hóa đơn điện tử
- Đọc số đồng hồ bằng điện thoại thông minh
- Theo dõi lịch sử sử dụng nước, tương tác trực tuyến với khách hàng
- Theo dõi chất lượng nước qua website

### Về Công tác quản lý

Xây dựng và củng cố bộ máy tổ chức; cơ cấu lại nhân sự chủ chốt và người lao động ở các bộ phận để đảm bảo hiệu quả hoạt động theo mô hình mới.

Xây dựng quy chế phân cấp rõ ràng, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cán bộ công nhân viên, tạo cơ chế thuận lợi và giao quyền cho cán bộ công nhân viên để phát huy khả năng, thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Xây dựng quy chế trả lương phù hợp với công việc và hiệu quả hoàn thành của người lao động.

Tăng cường các biện pháp kiểm tra nhằm kiểm soát chi phí hoạt động, hướng đến nâng cao hiệu quả kinh doanh.

### Về phát triển nguồn nhân lực

Khuyến khích và tạo điều kiện cho người lao động phát huy tính tích cực, năng động, sáng tạo trong công việc hướng đến nâng cao năng suất lao động chung của toàn Công ty.

Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao kỹ năng chuyên môn cho người lao động làm việc trực tiếp, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động đào tạo kỹ năng mềm khác như kỹ năng quản lý – điều hành cho cán bộ quản lý và nhân sự tiềm năng.

Hoàn thiện các quy chế, quy trình trong quản trị nhân sự và tiêu chuẩn đối với các chức danh quản lý và chức danh nghiệp vụ để phục vụ tốt cho công tác quản lý chung.

Quy chế hóa và công khai các quy định về trách nhiệm cá nhân và chính sách đãi ngộ cho người lao động theo hướng khuyến khích người lao động đóng góp tích cực vào hiệu quả hoạt động chung.

### Về hoạt động tài chính

Tận dụng tối đa nguồn lực hiện có đồng thời tích cực tạo thêm nguồn vốn thông qua các hình thức như liên kết với đối tác trong và ngoài tỉnh; tận dụng các khoản tín dụng để đáp ứng nhu cầu kinh doanh và đầu tư theo từng giai đoạn, đặc biệt là trong giai đoạn đầu chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần. Thực hiện chương trình chuyển đổi cơ cấu vốn, sử dụng có hiệu quả tiền vốn và các nguồn lực của Công ty.

Định kỳ kiểm tra các hộ khách hàng để tránh tình trạng khách hàng vi phạm hợp đồng cấp nước gây thất thu cho Công ty.

Rà soát đường ống thường xuyên để kịp thời phát hiện và sửa chữa những điểm bể, hỏng, nhằm giảm tỷ lệ thất thoát nước.

## Báo cáo liên quan đến trách nhiệm về môi trường & xã hội

# 01

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực môi trường, Công ty luôn tự ý thức, gắn liền trách nhiệm đối với môi trường sống với mỗi hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và địa phương về bảo vệ môi trường. Thực tế trong năm 2017, Công ty không bị xử phạt vi phạm các quy định về môi trường. Những hóa chất dùng để xử lý nước sau khi dùng xong hoặc hết hạn sử dụng công ty tiến hành xử lý theo đúng quy trình, tránh gây ảnh hưởng đến môi trường. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên vận động người lao động vệ sinh nơi làm việc và tổ chức các buổi dọn vệ sinh quanh khu vực công ty.

# 02

Người lao động là một trong những yếu tố quyết định đến sự phát triển thành công và bền vững của Công ty, Ban lãnh đạo luôn tạo điều kiện để người lao động có thể phát huy hết khả năng trong một môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo cũng không ngừng cải cách chính sách lương thưởng, phúc lợi, để góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

# 03

Công ty còn quan tâm đến các hoạt động xã hội như: Trao quà tặng cho con em người lao động có thành tích tốt trong học tập, tổ chức các buổi sinh hoạt, vui chơi cho các em thiếu nhi, tặng quà cho những gia đình nghèo, có hoàn cảnh khó khăn,...

## Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Các kiểm toán viên này đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ một số khoản công nợ phải thu và công nợ phải trả với giá trị lần lượt là 3.742.035.290 đồng và 707.962.369 đồng.

Ngoài ra, như đã trình bày tại thuyết minh số 35, số liệu so sánh được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 05 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được kiểm toán.

Công ty xin được giải trình như sau: Đây là báo cáo kiểm toán giai đoạn Công ty MTV để chuyển sang Công ty cổ phần. Do hạn chế về thời gian, nhân lực nên Công ty MTV đã không thực hiện đủ các thủ tục xác nhận công nợ phải thu phải trả. Đến thời điểm phát hành báo cáo, do không nhận được thư xác nhận công nợ của các bên công nợ liên quan, nên đơn vị không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản công nợ trên



## **BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động**

**Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc**

**Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**



## Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

**T**rong năm đầu đi vào hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần GIALAI WATER đã gặp phải không ít khó khăn trong việc vận hành bộ máy tổ chức quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, với khát vọng tiên phong cùng chiến lược đầu tư – phát triển bền vững, GIALAI WATER phấn đấu, tìm kiếm và tạo ra những giá trị bằng cách cung cấp các dịch vụ khách hàng tốt nhất, thỏa mãn khách hàng cao nhất. Từ đó mang đến sự tăng trưởng bền vững trong doanh thu của Công ty, mang lại lợi ích cho cổ đông và thu hút nhà đầu tư.

Theo Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 10/03/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Gia Lai thành Công ty cổ phần, Công ty đã thực hiện việc chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 05/01/2017 với tên gọi Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai (GLW). Bộ máy quản lý điều hành của Công ty được bầu lại theo đúng quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cán bộ lãnh đạo của Công ty đảm bảo đủ chuyên môn, nghiệp vụ và phẩm chất, phù hợp với vị trí được giao.

Công tác tổ chức nhân sự được chú trọng, với phương châm con người là nền tảng cho sự phát triển của Công ty, GLW luôn chú tâm đến việc đào tạo, nâng cao nghiệp vụ cho người lao động, phân công nhiệm vụ theo nguyên tắc đúng người đúng việc. Đưa ra các chính sách đãi ngộ thỏa đáng nhằm thu hút những cán bộ kỹ thuật, quản lý có trình độ chuyên môn cao. Rà soát nguồn nhân lực hiện có, sắp xếp lao động hợp lý, có kế hoạch tuyển dụng lao động có tay nghề để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh trong giai đoạn tới.



### Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2017 HĐQT đã phối hợp cùng Ban Tổng Giám đốc thực hiện nghiêm túc các chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban Tổng Giám đốc công ty đã triển khai thực hiện tốt các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT đề ra. Tổng Giám đốc luôn theo sát và đôn đốc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Họp giao ban định kỳ nhằm nắm bắt kịp thời những vướng mắc, tồn tại để có những biện pháp xử lý hợp lý. Ban Tổng Giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi, khó khăn của Công ty, linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động hằng ngày, ban hành các văn bản tài liệu theo đúng thẩm quyền nhằm định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và kiểm soát tốt các rủi ro. Hội đồng quản trị thực hiện công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

### Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong những năm đầu hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần, Công ty sẽ chú trọng việc nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ, mở rộng mạng lưới cung cấp nước sạch đến với người tiêu dùng. Thông qua các hoạt động đầu tư mở rộng, thay mới đường ống, lắp mới đồng hồ nước, áp dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, chăm sóc khách hàng tư,...GIALAI WATER đã cho thấy những thay đổi rõ rệt về chất lượng dịch vụ đến với người tiêu dùng trên địa bàn Thành phố Pleiku.

Để bắt kịp xu hướng phát triển của xã hội và tận dụng những thành tựu trong ngành khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin, Công ty có định hướng trong việc đổi mới máy móc thiết bị, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào quá trình sản xuất nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động, nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty trong ngành. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị chú trọng trong công tác chỉ đạo triển khai có hiệu quả các nghị quyết của HĐQT về: giám sát hiệu quả đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ, công tác quản lý nguồn nhân lực,... nhằm đạt được những chỉ tiêu đặt ra.

Với đặc thù hoạt động trong ngành cấp nước, là một trong những sản phẩm thiết yếu trong cuộc sống của người dân, doanh thu của GIALAI WATER ít chịu sự tác động từ các yếu tố kinh tế. Bên cạnh đó, với lợi thế độc quyền cung cấp nước sinh hoạt trên địa bàn thành phố Pleiku, thị xã Ayunpa, tỉnh Gia Lai tạo điều kiện thuận lợi trong việc phát triển ổn định và bền vững của Công ty trong tương lai.



## QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN KIỂM SOÁT

CÁC GIAO DỊCH THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,  
BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT



## QUẢN TRỊ CÔNG TY

### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
01	Bà Giao Thị Yến	Chủ tịch	10	100%	
02	Ông Trương Khắc Hoàn	Thành viên	9	90%	Có giấy ủy quyền cho ông Nguyễn Vĩnh Bình
03	Ông Nguyễn Đình Vinh	Thành viên	10	100%	
04	Ông Nguyễn Vĩnh Bình	Thành viên	10	100%	
05	Ông Vũ Hoàng Thiên	Thành viên	10	100%	

### Các Nghị quyết của HĐQT Công ty trong năm 2017:

STT	Số Nghị quyết Quyết định/	Ngày	Nội dung
01	Số 001/2017/NQHĐQT	08/2/2017	Phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng và lắp đặt van giảm áp trên mạng lưới cấp nước
02	Số 002/2017/NQHĐQT	15/3/2017	Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 Phê duyệt kế hoạch đầu tư tuyến ống truyền tải trên trục đường Lê Thánh Tôn Phê duyệt ký kết phụ lục hợp đồng với công ty Cổ phần cấp nước Sài Gòn - Pleiku
03	Số 003/2017/NQHĐQT	14/4/2017	Thông qua báo cáo hoạt động và kết quả sxkd quý I năm - 2017 Triển khai kế hoạch quý II năm 2017 Phê duyệt Dự án đầu tư mở rộng mạng cấp nước Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án nâng cấp và cải tiến kỹ thuật Nhà máy nước AyunPa và Dự án chống thất thoát nước

STT	Số Nghị quyết Quyết định/	Ngày	Nội dung
04	Số 004/2017/NQHĐQT	08/2/2017	Thông qua báo cáo hoạt động và kết quả sản xuất, kinh doanh quý 02 và 06 tháng đầu năm 2017 Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 03 và 06 tháng cuối năm 2017 Phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư mở rộng mạng cấp nước TP Pleiku Đề nghị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường với nội dung thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày 25/9/2017 Phê duyệt cơ cấu tổ chức mới của Công ty Thông qua việc thay đổi kế toán trưởng Thông qua việc bổ nhiệm Giám đốc kỹ thuật Thông qua việc từ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc đối với Ông Trương Khắc Hoàn Thông qua việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Vĩnh Bình là Tổng giám đốc
05	Số 005/2017/NQHĐQT	15/3/2017	Phê duyệt hồ sơ bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công và tổng dự toán Dự án cải tạo nâng cấp năng lực sản xuất Nhà máy nước Ayun Pa Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu Dự án cải tạo nâng cấp năng lực sản xuất Nhà máy nước Ayun Pa
06	Số 006/2017/NQHĐQT	14/4/2017	Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh quý 3 năm 2017 Thông qua kế hoạch sản xuất, kinh doanh quý 4, 2017 và dự kiến cả năm 2017 Thông qua kế hoạch đầu tư và mua sắm năm 2017 Thông qua chủ trương vay vốn cho Dự án mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Pleiku Thông qua chủ trương lập Quy hoạch cấp nước tỉnh Gia Lai Phê duyệt kế hoạch thay đồng hồ dịch vụ cho khu vực thành phố Pleiku Phê duyệt kế hoạch xây dựng tuyến ống truyền tải Biển Hồ Thông qua chủ trương đầu tư Dự án cải tạo và nâng cấp Nhà máy nước Biển Hồ Thông qua chủ trương đầu tư, Dự án xây dựng mới trụ sở Công ty Thông qua chủ trương đầu tư Dự án xây dựng mới văn phòng Đơn vị cấp nước Ayun Pa Phê duyệt kế hoạch cải tạo trụ sở hiện hữu Phê duyệt kế hoạch mua xe ô tô phục vụ công tác Phê duyệt chi trả thù lao Thành viên HĐQT và Thành viên BKS 09 tháng đầu năm 2017 Phê duyệt phương án chi trả thù lao Thành viên HĐQT và Thành viên BKS Phê duyệt thang lương Công ty Phê duyệt mức lương của Ban điều hành



STT	Số Nghị quyết Quyết định/	Ngày	Nội dung
07	Số 007/2017/NQHĐQT	08/11/2017	Thông qua việc vay vốn tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam để thanh toán tiền mua xe ô tô con nhãn hiệu mazda cx5
08	Số 008/2017/NQHĐQT	08/11/2017	Thông qua hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Gia Lai để thực hiện dự án đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước và thay thế 10.000 đồng hồ nước cũ
09	Số 009/2017/NQHĐQT	26/12/2017	Thông qua giá tham chiếu cho cổ phiếu GLW trong ngày giao dịch đầu tiên trên sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
10	Số 010/2017/NQHĐQT	27/12/2017	Phê duyệt kế hoạch vay vốn Ngân hàng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Gia Lai

## BAN KIỂM SOÁT

### Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
01	Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát
02	Bà Hồ Thị Xuân	Kiểm soát viên
03	Bà Trịnh Thị Thanh Hà	Kiểm soát viên

## HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng trách nhiệm, chức năng và nhiệm vụ của mình. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên ở từng lĩnh vực phù hợp với trình độ chuyên môn của mình, tiến hành kiểm tra các hoạt động của Công ty theo đúng quy định đã được cụ thể hóa tại Quy chế Công ty. Cụ thể:

- Giám sát hoạt động quản trị và hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Kiểm tra tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
- Theo dõi việc áp dụng các chính sách lương thưởng cho người lao động.
- Theo dõi nắm bắt tình hình hoạt động SXKD thực tế về sản lượng sản xuất, doanh, chi phí ... thông qua các báo cáo định kỳ của từng bộ phận có chức năng.
- Thường xuyên trao đổi với HĐQT, BGĐ về tình hình sản xuất kinh doanh, triển khai dự án đầu tư, thay thế đường ống và tình hình quản trị nguồn nhân lực.
- Kiểm soát tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, chứng từ kế toán, hợp đồng kinh tế, hợp đồng xây dựng, hợp đồng lao động nhằm đảm bảo tính đúng đắn và minh bạch trong hoạt động tài chính.
- Tổ chức kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông thường niên đảm bảo công tác này được thực hiện nghiêm túc, chính xác và đúng thủ tục theo Luật định.

### Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

STT	Thành viên HĐQT	Đơn vị tính	Lương/ thưởng/ thù lao/ lợi ích khác
01	Chủ tịch HĐQT	đồng/người/tháng	5.000.000
02	Thành viên HĐQT	đồng/người/tháng	3.000.000
03	Trưởng Ban kiểm soát	đồng/người/tháng	2.000.000
04	Kiểm soát viên	đồng/người/tháng	2.000.000
05	Tổng Giám đốc	đồng/người/tháng	30.000.000
06	Phó Tổng Giám đốc	đồng/người/tháng	20.000.000
07	Kế toán trưởng	đồng/người/tháng	15.000.000

#### Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Không có

#### Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có.

#### Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty chú trọng thực hiện tốt những quy định liên quan đến quản trị công ty. Công ty xây dựng Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo Quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 và Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017.

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI**  
2 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 05 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Bà Giao Thị Yến	Chủ tịch
Ông Trương Khắc Hoành	Thành viên
Ông Nguyễn Vĩnh Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Vinh	Thành viên
Ông Vũ Hoành Thiên	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Vĩnh Bình	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18/08/2017)
Ông Trương Khắc Hoành	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 18/08/2017)
Ông Nguyễn Đình Vinh	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Vũ Hoành Thiên	Giám đốc Tài chính

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ông Trương Khắc Hoành đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

  
  
Nguyễn Vĩnh Bình  
Tổng Giám đốc  
Ngày 05 tháng 03 năm 2018



**CHI NHÁNH  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN  
VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**

Lầu 5, Tòa nhà Hải Âu TFC, 390 Trường Sơn  
Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh  
T: (+84 28) 3547 2323  
F: (+84 28) 3547 2579

Số: 675/2018/BCKT-IFCHCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai (trước đây là Công ty TNHH MTV Cấp nước Gia Lai) (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05 tháng 03 năm 2018, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 05 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 05 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.





### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

#### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 04 tháng 01 năm 2017 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến một số khoản công nợ phải thu và công nợ phải trả với giá trị lần lượt là 3.742.035.290 đồng và 707.962.369 đồng.

Ngoài ra, như đã trình bày tại thuyết minh số 35, số liệu so sánh được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 05 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa được kiểm toán.



**Lương Xuân Trường**  
Giám đốc chi nhánh  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1741-2018-072-1  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 03 năm 2018

**Phạm Thị Toán**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2767-2014-072-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI  
02 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku,  
Tỉnh Gia Lai

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2017	05/01/2017
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>55.962.225.200</b>	<b>140.193.465.108</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>1.988.289.414</b>	<b>126.419.220.029</b>
1. Tiền	111		1.988.289.414	126.419.220.029
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>40.000.000.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	40.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.186.437.925</b>	<b>6.948.971.052</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	797.857.834	3.615.811.947
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	300.000.000	67.179.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	4.088.580.091	3.265.980.105
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>8.324.978.129</b>	<b>6.757.289.348</b>
1. Hàng tồn kho	141		8.324.978.129	6.757.289.348
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>462.519.732</b>	<b>67.984.679</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	60.952.878	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		397.944.614	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17.a	3.622.240	67.984.679
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>144.674.373.236</b>	<b>147.195.032.821</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>140.662.335.167</b>	<b>146.518.822.042</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	140.654.163.340	146.508.338.843
- Nguyên giá	222		379.226.475.385	376.810.227.599
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(238.572.312.045)	(230.301.888.756)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	8.171.827	10.483.199
- Nguyên giá	228		48.500.000	48.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40.328.173)	(38.016.801)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.544.598.569</b>	<b>-</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	2.544.598.569	-
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.467.439.500</b>	<b>676.210.779</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	1.467.439.500	676.210.779
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>200.636.598.436</b>	<b>287.388.497.929</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI  
02 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku,  
Tỉnh Gia Lai

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2017	05/01/2018
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>14.218.439.284</b>	<b>99.508.298.420</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.745.155.270</b>	<b>92.163.280.406</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	4.873.474.046	429.427.558
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	481.005.000	1.101.980
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17.b	894.691.965	194.050.810
4. Phải trả người lao động	314		-	318.082.481
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	25.000.000	491.096.101
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	221.674.119	89.347.411.336
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	1.241.734.000	1.369.234.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.576.140	12.876.140
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.473.284.014</b>	<b>7.345.018.014</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	6.473.284.014	7.345.018.014
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>186.418.159.152</b>	<b>187.880.199.509</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>186.418.159.152</b>	<b>187.880.199.509</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.880.199.509	7.880.199.509
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.462.040.357)	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(1.462.040.357)	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>200.636.598.436</b>	<b>287.388.497.929</b>

Nguyễn Thị Quỳnh  
Người lập biểu  
Ngày 05 tháng 03 năm 2018

Trương Thị Thành  
Kế toán trưởng

Nguyễn Vĩnh Bình  
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI  
02 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku,  
Tỉnh Gia Lai

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 05 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Từ 05/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	41.007.426.935	42.886.340.336
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	10.977.273	553.455
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	22	40.996.449.662	42.885.784.881
4. Giá vốn hàng bán	11	23	37.248.777.287	37.546.254.166
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3.747.672.375	5.339.530.715
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.119.753.907	123.100.589
7. Chi phí tài chính	22	25	81.426.343	107.001.694
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		52.126.989	107.001.694
8. Chi phí bán hàng	25	26	1.212.297.744	425.838.065
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	5.343.282.481	2.432.877.279
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		(1.769.580.286)	2.496.914.266
11. Thu nhập khác	31	28	510.312.082	489.928.389
12. Chi phí khác	32	29	202.772.153	12.787.167
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		307.539.929	477.141.222
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(1.462.040.357)	2.974.055.488
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	-	603.669.139
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(1.462.040.357)	2.370.386.349
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	(81)	-

Nguyễn Thị Quỳnh  
Người lập biểu  
Ngày 05 tháng 03 năm 2018

Trương Thị Thành  
Kế toán trưởng

Nguyễn Vĩnh Bình  
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI  
02 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku,  
Tỉnh Gia Lai

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 05 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Từ 05/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(1.462.040.357)	2.974.055.488
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	8.272.734.661	6.089.477.429
Các khoản dự phòng	03	-	(782.591.046)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.119.753.907)	(123.100.589)
Chi phí lãi vay	06	52.126.989	107.001.694
<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>5.743.067.386</b>	<b>8.264.842.976</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	2.354.791.875	557.763.111
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(1.567.688.781)	985.117.718
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.986.344.975	(3.066.130.829)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(852.181.599)	48.089.914
Tiền lãi vay đã trả	14	(52.126.989)	(107.001.694)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(116.031.339)	(706.611.255)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.300.000)	(422.714.413)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>7.490.875.528</b>	<b>5.553.355.528</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.815.966.082)	(1.574.279.845)
2. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(40.000.000.000)	-
3. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	609.944.323	123.100.589
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(44.206.021.759)</b>	<b>(1.451.179.256)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	121.222.780.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(86.716.550.384)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	570.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.569.234.000)	(1.659.234.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(87.715.784.384)</b>	<b>119.563.546.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>(24.430.930.615)</b>	<b>123.665.722.272</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>126.419.220.029</b>	<b>2.644.653.401</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b> (70 = 50 + 60 + 61)	<b>70</b>	<b>1.988.289.414</b>	<b>126.310.375.673</b>

Nguyễn Thị Quỳnh  
Người lập biểu  
Ngày 05 tháng 03 năm 2018

Trương Thị Thành  
Kế toán trưởng

Nguyễn Vĩnh Bình  
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

8

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI  
02 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku,  
Tỉnh Gia Lai

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

#### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

##### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai (gọi tắt là "Công ty") là Công ty được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Gia Lai hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900189614 cấp lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 2010 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai và các lần thay đổi. Vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 180.000.000.000 VND, được chia thành 18.000.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn ("Công ty SII"). Công ty mẹ của cả Tập đoàn là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty CII").

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 117 (tại ngày 05 tháng 01 năm 2017: 123).

##### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh nước sạch; thi công, lắp đặt đường ống cấp nước và cơ sở cấp nước; mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp nước; sản xuất và kinh doanh nước khoáng, nước đóng chai tinh khiết; bán buôn đồ uống không cồn, bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh; giám sát các công trình cấp thoát nước; thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; khảo sát thiết kế mạng lưới và công trình đầu mối cấp thoát nước quy mô nhỏ.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là sản xuất và kinh doanh nước sạch; mua bán vật tư, thiết bị chuyên ngành cấp nước.

##### Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính

Ngày 5 tháng 1 năm 2017, Công ty đã hoàn tất thủ tục cổ phần hóa, chính thức chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Gia Lai thành Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai.

##### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

##### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phân tích tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

##### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 05 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, đây là kỳ kế toán đầu tiên của Công ty sau khi chuyển đổi hình thức doanh nghiệp.

9



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI**  
02 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku,  
Tỉnh Gia Lai

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

#### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

##### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI**  
02 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku,  
Tỉnh Gia Lai

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

##### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	8 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

##### Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của phần mềm máy tính, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

##### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, ... và được coi là có khả năng đem lại lợi ích

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI**  
02 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku,  
Tỉnh Gia Lai

**Mẫu số B 09 - DN**  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

#### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

##### **Chi phí trả trước (tiếp theo)**

kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

##### **Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính.

##### **Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

##### **Vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành có phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

##### **Ghi nhận doanh thu**

###### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI**  
02 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku,  
Tỉnh Gia Lai

**Mẫu số B 09 - DN**  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

#### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

##### **Doanh thu (tiếp theo)**

###### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### **Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

##### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

##### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI  
02 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku,  
Tỉnh Gia Lai

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

#### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

##### Thuế (tiếp theo)

động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

##### Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

##### Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

#### 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	05/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	313.468.240	14.895.084
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.674.821.174	126.404.324.945
<b>Cộng</b>	<b>1.988.289.414</b>	<b>126.419.220.029</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI  
02 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku,  
Tỉnh Gia Lai

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

#### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

#### 6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2017	05/01/2017
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai (i)	2.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Lai (ii)	38.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>-</b>

(i): Đây là khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn sáu (06) tháng và hưởng lãi suất 5,3%/năm.

(ii): Đây là khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn sáu (06) tháng và hưởng lãi suất 5,5%/năm.

#### 7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	05/01/2017
	VND	VND
Phải thu tiền sử dụng nước sinh hoạt tại Pleiku	649.736.988	2.471.152.556
Phải thu tiền sử dụng nước sinh hoạt tại Ayunpa	146.939.681	800.414.721
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.181.165	344.244.670
<b>Cộng</b>	<b>797.857.834</b>	<b>3.615.811.947</b>

#### 8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017	05/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Huệ Anh	300.000.000	-
Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán	-	66.000.000
Công ty TNHH TM & DV Mã Việt	-	1.179.000
<b>Cộng</b>	<b>300.000.000</b>	<b>67.179.000</b>

#### 9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	05/01/2017
	VND	VND
Phải thu lại tiền thuế đất đã nộp thuộc phần vốn nhà nước	1.356.861.556	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	509.809.584	-
Tạm ứng cho nhân viên	93.903.040	38.000.806
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	20.000.000	-
Phải thu về cổ phần hóa	2.105.414.459	3.168.934.956
Phải thu Ban Quản lý dự án ADB	-	35.223.142
Phải thu khác	2.591.452	23.821.201
<b>Cộng</b>	<b>4.088.580.091</b>	<b>3.265.980.105</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI**  
02 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku,  
Tỉnh Gia Lai

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**10. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.290.748.818	-	6.716.934.866	-
Công cụ, dụng cụ	34.229.311	-	40.354.482	-
<b>Cộng</b>	<b>8.324.978.129</b>	<b>-</b>	<b>6.757.289.348</b>	<b>-</b>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2017 VND	05/01/2017 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	60.952.878	-
<b>Cộng</b>	<b>60.952.878</b>	<b>-</b>
<b>a) Dài hạn</b>		
Chi phí thay đồng hồ miễn phí cho khách hàng	1.006.909.022	-
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	281.969.598	217.764.631
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	138.996.649	392.738.970
Chi phí trả trước dài hạn khác	39.564.231	65.707.178
<b>Cộng</b>	<b>1.467.439.500</b>	<b>676.210.779</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI**  
02 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku,  
Tỉnh Gia Lai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị còn lại VND	Giá gốc VND	Giá trị còn lại VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>				
Tại ngày 05/01/2017	95.421.122.521	-	91.029.705.826	-
Mua trong kỳ	-	-	85.500.000	-
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	356.103.000	1.831.294.786
Phân loại lại tài sản trong kỳ	-	-	90.000.000	-
Phân loại lại tài sản trong kỳ	(90.000.000)	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	<b>95.331.122.521</b>	<b>91.561.308.826</b>	<b>191.920.745.129</b>	<b>413.298.909</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 05/01/2017	52.213.919.852	-	63.428.208.747	-
Khấu hao trong kỳ	2.536.067.311	-	1.438.362.966	-
Tại ngày 31/12/2017	<b>54.749.987.163</b>	<b>64.866.571.713</b>	<b>64.866.571.713</b>	<b>118.707.980.457</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 05/01/2017	43.207.202.669	-	27.601.497.079	-
Tại ngày 31/12/2017	<b>40.581.135.358</b>	<b>26.694.737.113</b>	<b>75.655.538.076</b>	<b>75.212.764.672</b>
<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>				
Tại ngày 05/01/2017	269.948.909	-	190.089.450.343	-
Tại ngày 31/12/2017	<b>143.350.000</b>	<b>143.350.000</b>	<b>143.350.000</b>	<b>143.350.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>376.810.227.599</b>	<b>230.301.888.756</b>	<b>379.226.475.385</b>	<b>238.572.312.045</b>

Công ty đã sử dụng xe ô tô con nhãn hiệu MAZDA, số loại CX5 25G AT AWD để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai.

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 898.608.174 VND (tại ngày 05 tháng 01 năm 2017 là 1.564.199.912 VND)

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 2.794.735.113 VND (tại ngày 05 tháng 01 năm 2017 là 2.742.239.886 VND).



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI**  
02 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku,  
Tỉnh Gia Lai

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 05/01/2017	48.500.000	48.500.000
Tăng trong kỳ	-	-
Tại ngày 31/12/2017	<b>48.500.000</b>	<b>48.500.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 05/01/2017	38.016.801	38.016.801
Khấu hao trong kỳ	2.311.372	2.311.372
Tại ngày 31/12/2017	<b>40.328.173</b>	<b>40.328.173</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 05/01/2017	10.483.199	10.483.199
Tại ngày 31/12/2017	<b>8.171.827</b>	<b>8.171.827</b>

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	31/12/2017 VND	05/01/2017 VND
Dự án thi công lắp đặt tuyến ống HDPE D315 đường Chu Mạnh Trinh - Hùng Vương (i)	2.224.390.780	-
Dự án đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước Thành phố Pleiku	176.480.886	-
Các dự án thay thế hệ thống cấp nước, van giảm áp khác	143.726.903	-
<b>Cộng</b>	<b>2.544.598.569</b>	<b>-</b>

(i): Dự án được thực hiện tại đường Lê Thánh Tôn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 2.968.222.000 VND. Dự án dự kiến sẽ đưa vào vận hành, khai thác từ quý 1 năm 2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI**  
02 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku,  
Tỉnh Gia Lai

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		05/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Lotas Tổng công ty Đầu tư nước & Môi trường Việt Nam	1.027.500.628	1.027.500.628	-	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thủy Phát Đạt	212.621.528	212.621.528	412.621.558	412.621.558
Công ty TNHH TM & KT Trương Nguyệt	649.687.500	649.687.500	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Kỹ Thuật Việt	877.800.000	877.800.000	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	628.551.133	628.551.133	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.873.474.046</b>	<b>4.873.474.046</b>	<b>429.427.558</b>	<b>429.427.558</b>

Trong đó: Phải trả người bán là  
các bên liên quan  
(chi tiết tại Thuyết minh số 33 -  
các bên liên quan)

	374.263.310	374.263.310	-	-
--	-------------	-------------	---	---

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2017 VND	05/01/2017 VND
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Thành phố Pleiku	481.005.000	1.101.980
<b>Cộng</b>	<b>481.005.000</b>	<b>1.101.980</b>

(i) Đây là khoản tiền Công ty đã nhận trước theo hợp đồng thi công xây dựng số 45/2017/HĐ-XD về việc di dời hệ thống nước sinh hoạt tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI**  
02 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku,  
Tỉnh Gia Lai

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	05/01/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	31/12/2017 VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	67.984.679	2.369.319.265	2.301.334.586	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	3.622.240	3.622.240
<b>Cộng</b>	<b>67.984.679</b>	<b>2.369.319.265</b>	<b>2.304.956.826</b>	<b>3.622.240</b>
<b>b. Các khoản phải nộp</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	112.409.099	-	112.409.099	-
Thuế thu nhập cá nhân	22.232.616	92.431.706	48.576.991	66.087.331
Thuế tài nguyên	20.239.238	154.821.818	159.806.672	15.254.384
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.637.987.969	3.153.529.907	484.458.062
Thuế bảo vệ môi trường	2.843.857	3.417.609.629	3.137.203.362	283.250.124
Các loại thuế khác	36.326.000	231.622.653	222.306.589	45.642.064
<b>Cộng</b>	<b>194.050.810</b>	<b>7.534.473.775</b>	<b>6.833.832.620</b>	<b>894.691.965</b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2017 VND	05/01/2017 VND
Phí dịch vụ kiểm toán	25.000.000	90.000.000
Phí nước thuê	-	401.096.101
<b>Cộng</b>	<b>25.000.000</b>	<b>491.096.101</b>

**19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2017 VND	05/01/2017 VND
Phải nộp ngân sách nhà nước (Dự án ADB)	150.190.721	185.413.863
Tiền ký quỹ nhân viên phòng kinh doanh	50.000.000	-
Phải trả cho SCIC về cổ phần hóa	-	89.068.876.525
Kinh phí công đoàn	-	49.618.808
Các khoản phải trả khác	21.483.398	43.502.140
<b>Cộng</b>	<b>221.674.119</b>	<b>89.347.411.336</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI**

02 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku,  
Tỉnh Gia Lai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	31/12/2017		05/01/2017	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND
Ngân hàng Phát triển Châu Á (i)	7.145.018.014	7.145.018.014	-	1.099.234.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai (ii)	570.000.000	570.000.000	570.000.000	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	-	-	-	470.000.000
Trái: Số phải trả trong 12 tháng tới	(1.241.734.000)	(1.241.734.000)	-	(1.369.234.000)
<b>Cộng</b>	<b>6.473.284.014</b>	<b>6.473.284.014</b>	<b>570.000.000</b>	<b>1.569.234.000</b>
				<b>7.345.018.014</b>
				<b>8.244.252.014</b>

(i) Đây là số dư nợ vay theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính và Công ty Cấp thoát nước Gia Lai về việc sử dụng Khoản vay số 1361 VIE (SF) của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) để thực hiện Dự án Nâng cấp và cải tạo Hệ thống cấp nước và vệ sinh các thành phố, thị xã kỷ ngày 15 tháng 9 năm 1995 và các phụ lục bổ sung, tổng giá trị khoản vay là 164.488.497,014 VND, lãi suất cho vay 0%/năm.

(ii) Đây là số dư nợ vay phải trả cho Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai, hạn mức cho vay 570.000.000 VND, mục đích vay đầu tư mua sắm ô tô xe ô tô con nhãn hiệu MAZDA (số loại CX5 25G AT AWD), thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 9,7%/năm có định trong bốn năm tính từ ngày giải ngân. Công ty đã sử dụng tài sản là chính chiếc xe ô tô con để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay này.

Các khoản vay dài hạn được khấu trừ theo biểu sau:

	31/12/2017 VND	05/01/2017 VND
Trong vòng một năm	1.241.734.000	1.369.234.000
Trong năm thứ hai	1.241.734.000	1.299.234.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.582.702.000	3.297.702.000
Sau năm năm	1.648.848.014	2.748.082.014
	<b>7.715.018.014</b>	<b>8.714.252.014</b>
	<b>(1.241.734.000)</b>	<b>(1.369.234.000)</b>
<b>Cộng</b>	<b>6.473.284.014</b>	<b>7.345.018.014</b>

Trái: số phải trả trong vòng 12 tháng

**Cộng**

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND		VND	VND		
Tại ngày 01/01/2016	82.141.786.168	-	-	67.280.720.946	2.538.621.924	151.961.129.038	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	2.370.386.349	2.370.386.349	
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.970.925.290)	(2.970.925.290)	
Tại ngày 01/01/2017	82.141.786.168	-	-	67.280.720.946	1.938.082.983	151.360.590.097	
Tăng vốn khi cổ phần hóa	97.858.213.832	-	7.880.199.509	(67.280.720.946)	(1.828.020.620)	36.629.671.775	
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	(1.572.102.720)	(1.572.102.720)	
Tại ngày 31/12/2017	180.000.000.000	-	7.880.199.509	-	(1.462.040.357)	186.418.159.152	

Chi tiết vốn chủ sở hữu

Tên cổ đông	31/12/2017		05/01/2017	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	51,00%	91.800.000.000	51,00%	91.800.000.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước	46,78%	84.209.000.000	46,78%	84.209.000.000
Các Cổ đông khác	2,22%	3.991.000.000	2,22%	3.991.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>180.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>180.000.000.000</b>

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn  
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà Nước  
Các Cổ đông khác  
**Cộng**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI  
02 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku,  
Tỉnh Gia Lai

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

Cổ phần

	31/12/2017	05/01/2017
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	18.000.000	18.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và thanh toán đủ	18.000.000	18.000.000
+ Cổ phần phổ thông	18.000.000	18.000.000
Số lượng cổ phần mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phần phổ thông	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	18.000.000	18.000.000
+ Cổ phần phổ thông	18.000.000	18.000.000
Mệnh giá cổ phần: 10.000VND/cổ phần		

**22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 05/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Doanh thu cung cấp nước sạch	35.633.027.793	37.322.415.006
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.374.399.142	5.563.925.330
<b>Cộng</b>	<b>41.007.426.935</b>	<b>42.886.340.336</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(10.977.273)	(555.455)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>40.996.449.662</b>	<b>42.885.784.881</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 05/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	32.815.452.088	32.526.370.152
Giá vốn hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp	4.433.325.199	5.019.884.014
<b>Cộng</b>	<b>37.248.777.287</b>	<b>37.546.254.166</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 05/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.119.753.907	123.100.589
<b>Cộng</b>	<b>1.119.753.907</b>	<b>123.100.589</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI**  
02 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku,  
Tỉnh Gia Lai

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 05/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Chi phí lãi vay	52.126.989	107.001.694
Phi quản lý khi vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)	15.972.474	-
Phi ngân hàng	13.326.880	-
<b>Cộng</b>	<b>81.426.343</b>	<b>107.001.694</b>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 05/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Chi phí nhân viên	1.164.323.926	425.838.065
Các khoản chi phí khác	47.973.818	-
<b>Cộng</b>	<b>1.212.297.744</b>	<b>425.838.065</b>

**27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 05/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.845.942.070	802.966.105
Chi phí khấu hao	812.611.609	175.923.328
Thuế, phí và lệ phí	511.213.002	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.014.674.917	-
Chi phí bằng tiền khác	158.840.883	1.453.987.846
<b>Cộng</b>	<b>5.343.282.481</b>	<b>2.432.877.279</b>

**28. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 05/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Nguyên vật liệu hư hỏng xuất bán	182.996.364	26.384.866
3% phí bảo vệ môi trường được để lại	179.874.248	93.058.138
Doanh thu cho thuê nhà xưởng	87.272.728	95.454.545
Tiền điện khí cho thuê nhà xưởng	37.861.903	-
Cho thuê mặt bằng đặt máy ATM	14.772.727	27.272.728
Tiền cắt mở nước	1.320.000	14.883.636
Các khoản thu nhập khác	6.214.112	232.874.476
<b>Cộng</b>	<b>510.312.082</b>	<b>489.928.389</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI**  
02 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku,  
Tỉnh Gia Lai

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**33. NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Mạng nước Châu Á	Công ty trong cùng tập đoàn

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 05/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 05/01/2016 đến 31/12/2016 VND
<b>Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku</b>		
Mua nước sạch	11.439.121.680	-
Phi kiểm nghiệm nước	36.432.000	-
<b>Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro</b>		
Mua tủ điện biến tần 22KW	85.500.000	-
Mua tủ điện điều khiển	348.803.000	-
<b>Công ty Cổ phần Giải pháp Mạng nước Châu Á</b>		
Mua van giảm áp D250	191.020.470	-
Mua đồng hồ nước	96.077.273	-

Sở dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	31/12/2017 VND	05/01/2017 VND
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	268.578.310	-
Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước Châu Á	105.685.000	-

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ

	Từ 05/01/2017 đến 31/12/2017 VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	1.195.765.554

**34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI  
02 Trần Hưng Đạo, thành phố Pleiku,  
Tỉnh Gia Lai


Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính


**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**35. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 05 tháng 01 năm 2017 đến 31 tháng 12 năm 2017, số liệu so sánh được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 05 tháng 01 năm 2016 đến 31 tháng 12 năm 2016 chưa được kiểm toán.

  
Nguyễn Thị Quỳnh  
Người lập biểu  
Ngày 05 tháng 03 năm 2018

  
Trương Thị Thành  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Vĩnh Bình  
Tổng Giám đốc



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA LAI

Gia Lai, ngày 30 tháng 03 năm 2018  
**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
Nguyễn Vĩnh Bình

**Công ty cổ phần cấp nước Gia Lai**

Website: [www.capnuocgialai.com](http://www.capnuocgialai.com)

Số điện thoại: (0269) 3824 094